

được chấp thuận thi hành. Cơ cấu Ban Đại Diện SVĐLKSG gồm ba cơ quan: Đại Hội Đồng, Ban Chấp Hành và Hội Đồng Kiểm Soát.

## II- CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ ĐIỀU HÀNH

### 1. Đại Hội Đồng SVĐLKSG.

Đại Hội Đồng (ĐHĐ) là cơ quan tối cao của Sinh Viên Đoàn Luật Khoa.

a. ĐHD được triệu tập thường niên để biểu quyết chấp thuận chức vụ Trưởng Ban Tổ Chức bầu cử cho hai cơ quan Ban Chấp Hành và Hội Đồng Kiểm Soát. Thông thường đương kim Ban Chấp Hành sẽ đề cử người đứng ra đảm trách chức vụ Trưởng Ban Tổ Chức trước Đại Hội Đồng để xin biểu quyết chấp thuận. Đây là một hình thức trưng cầu sinh viên ý được triệu tập cho mỗi niên khóa mới.

b. ĐHD có thể được triệu tập bất thường để quyết định các vấn đề trọng đại khi có những biến cố xảy ra ngoài nội qui, như quyền tự trị đại học bị xâm phạm, quyết định bãi khóa trước các biến động chính trị.

c. ĐHD được triệu tập với hình thức khá đặc biệt, thường được tổ chức tại Giảng Đường 2 của sinh viên năm thứ nhứt. ĐHD được xem là khai mạc hợp lệ với túc số sinh viên hiện diện 2/3 trên tổng số SV ghi danh. Biểu quyết theo đa số quá bán sinh viên hiện diện.

### 2. Ban chấp hành (BCH):

Ban Chấp Hành chiếu theo nội qui để thi hành trách nhiệm phục vụ nhu cầu học tập, thông tin liên lạc, tổ chức các sinh hoạt sinh viên về thể thao, văn nghệ, xã hội... BCH còn có trách nhiệm bảo vệ các quyền lợi thiết thực cho sinh viên đoàn luật khoa khi có nhu cầu đặt ra. BCH thay mặt SVĐLK để tham gia các sinh hoạt với các phân khoa trực thuộc Viện Đại Học Saigon nói riêng và các Viện Đại Học khác nói chung. Chẳng hạn như tham gia hoặc ứng cử vào các chức vụ trong Tổng Hội Sinh Viên Saigon.

#### Thế thức bầu cử cơ quan BCH:

a. Ứng cử theo hình thức liên danh 7 người gồm các chức vụ: *Chủ tịch, Phó Nội Vụ, Phó Kế Hoạch, Phó Ngoại Vụ, Tổng Thư Ký, phó Tổng Thư Ký và Thủ Quỹ*. Bầu cử theo lối phổ thông đầu phiếu, cử tri gồm tất cả sinh viên các lớp có ghi danh hợp lệ. Sau khi đắc cử, Ban Chấp Hành sẽ bổ nhiệm các Trưởng Ban chuyên trách về các lãnh vực như Ban Học Tập, Ban Thể Thao, Ban Xã Hội, Ban Văn Nghệ, ...

b. Sinh hoạt tranh cử của các Liên Danh tại trường Luật Saigon

thường diễn ra rất sinh động qua các hình thức bích chương, tranh ảnh, truyền đơn để giới thiệu ứng cử viên và lập trường của Liên Danh ra tranh cử.

c. Liên Danh được tuyên bố đắc cử khi đạt đa số phiếu của sinh viên ghi danh hợp lệ đi bầu.

d. Danh sách các chủ tịch ban chấp hành SVĐLKSG:

|                     |           |
|---------------------|-----------|
| - Tô Lai Chánh      | 1963-1964 |
| - Phạm Văn Lập      | 1964-1965 |
| - Mai Văn Ty        | 1965-1966 |
| - Trần Minh Nhựt    | 1966-1967 |
| - Nguyễn Đăng Trùng | 1967-1968 |
| - Nguyễn Văn Thành  | 1968-1969 |
| - Võ Duy Thường     | 1969-1970 |
| - Lê Khắc Sinh Nhựt | 1970-1971 |
| - Trương Văn Banh   | 1971-1972 |
| - Nguyễn Văn Hoàng  | 1972-1973 |
| - Nguyễn Văn Tiến   | 1973-1974 |
| - Lê Đình Phát      | 1974-1975 |

### 3. Hội Đồng Kiểm Soát (HĐKS)

HĐKS có nhiệm vụ kiểm soát tài chánh và các hoạt động của Ban Chấp Hành theo nội qui. Các Kiểm Soát Viên trong HĐKS là đại diện cho quyền lợi riêng của mỗi lớp.

Chức vụ Kiểm Soát Viên ứng cử theo hình thức đơn danh và được bầu theo từng năm học, sinh viên mỗi lớp chọn 2 Kiểm Soát Viên. Sau khi đắc cử, các Kiểm Soát Viên họp lại thành lập Hội Đồng Kiểm Soát gồm : *Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Tổng thư ký*.

Nói chung Điều lệ SVĐLKSG khá chặt chẽ. Có vài lần, các nhóm sinh hoạt muốn tu chỉnh, nhưng điều kiện triệu tập Đại Hội Đồng khá gắt gao nên đến cuối cùng vẫn không thay đổi được.

## III/- CÁC HOẠT ĐỘNG.

**A. Các hoạt động đối nội** liên quan đến các sinh hoạt học tập, xã hội, văn nghệ, thể thao... Riêng ban học tập là ban có nhiều hoạt động bận rộn nhất trong năm vì trách vụ thu thập tài liệu, ấn loát và phân phối các sách giáo khoa của các giáo sư. Sau này, đa số các giáo sư trường Luật tự ấn loát và phát hành sách dạy môn học của mình mỗi khi bắt đầu niên khóa mới.

**B. Các hoạt động đối ngoại** của Ban Đại Diện SVĐLK mang một sắc thái đặc biệt trong đó có các hoạt động mang tính cách thuần túy sinh viên như phối hợp với sinh viên thuộc các phân khoa khác trong các

sinh hoạt thể thao, văn nghệ, từ thiện hoặc tham gia vào sinh hoạt trong tổ chức Tổng Hội Sinh Viên Saigon. Ngoài ra BDD và SVĐLK còn thường xuyên đối diện trước các thế lực chính trị bên ngoài, nhất là chủ trương của cộng sản, muốn lợi dụng danh nghĩa tập thể sinh viên luật cho các mưu đồ chính trị riêng tư của họ, do đó đã tạo nên lý do cho các cơ quan an ninh của chính quyền có cơ xâm nhập và vi phạm vào nền tự trị đại học.

**C. Bối cảnh lịch sử, chính trị của đất nước ảnh hưởng sâu đậm vào sinh hoạt và sự hình thành SVĐLKSG và các tổ chức sinh viên khác.**

Nhân đây cũng nên nhắc qua bối cảnh lịch sử và chính trị của đất nước đã ảnh hưởng sâu đậm vào sinh hoạt nội bộ SVĐLKSG và trong lãnh vực đối ngoại của Ban Đại Diện Trường Luật lúc bấy giờ.

Sau biến cố ngày 1 tháng 11 năm 1963, chính trường VN lâm vào tình trạng hỗn loạn, hiến pháp của nền Đệ Nhất VNCH bị hủy bỏ, đất nước được điều hành bằng các Sắc Lệnh và các Quyết Định Hành Chánh, trật tự xã hội rối tung. Các tướng lãnh quân đội liên tục thanh trừng nhau, hết “Đào Chánh” đến “Chỉnh Lý”, “Biểu Dương Lực Lượng”. Kẻ thắng được lên cấp, kẻ thua phải giải ngũ hoặc lưu vong. Câu vè diễu cợt quen thuộc vào lúc đó là “Thắng làm vua thua làm đại sứ”. Đất nước liên tục thay ngôi đổi chủ. Hiến Pháp, luật pháp điều hành guồng máy quốc gia trước đây bị hủy bỏ gây nên tình trạng cái cũ bị hủy bỏ, cái mới chưa hình thành. Mỗi tướng quân tự “đề” các luật lệ và hiến chương thuận lợi cho mình. Quái thai nhất là “Hiến Chương Vũng Tàu” ra đời và bị chết yểu. Ông Tướng đề ra hiến chương này sau một thời gian cầm quyền được tiền đưa ra phi trường với nắm đất mang theo đi đây biệt xứ. Các tướng quân lãnh đạo mới lên cầm quyền và hứa hẹn viết lại hiến pháp mới cho nền Đệ Nhị Cộng Hòa. Trong tiến trình hình thành tân hiến pháp, trưởng khối đa số Quốc Hội Lập Hiến là dân biểu Trần Văn Văn bị ám sát. Bên cạnh đó, một số chính trị gia hoạt đầu, kể cả Cộng Sản núp bóng tôn giáo phát xuất từ “Viện Hóa Đạo-Phật Giáo Ấn Quang” kích động biểu tình, đình công, bãi thị; xen kẽ có thêm việc tổ chức phản biểu tình thuộc lực lượng “Công Giáo Hồ Nai” điều động, những cảnh bạo động xảy ra hằng ngày, gây chia rẽ tôn giáo, gây bất ổn xã hội.

Trong bối cảnh đó các tổ chức sinh viên hình thành. Các lãnh tụ sinh viên và các tổ chức sinh viên phát sinh từ các cuộc biểu tình trước đó đã đứng ra thành lập các Ban Đại Diện sinh viên tại mỗi phân khoa đại học. Tổng Hội Sinh Viên cũng hình thành vào thời điểm đó. Nhiệm kỳ đầu tiên với 3 liên danh tranh cử, anh Lê Hữu Bôi đắc cử nhiệm kỳ đầu tiên. Nhiệm kỳ 2, anh Trần Quang Trí (QGHC) đắc cử nhưng bị hành hung có thương tích và trụ sở Tổng Hội Sinh Viên tọa lạc tại số 4 đường Duy Tân bị xâm nhập đốt phá

## **SINH HOẠT SVĐLKSG VÀO NHỮNG NIÊN KHÓA 63-64, 64-65, 65-66, 66-67.**

Chịu cùng ảnh hưởng của các biến động chính trị và xã hội trong thời điểm đó, sinh hoạt sinh viên Luật vào những niên khóa 63-64, 64-65, 65-66, 66-67 xuất hiện các nhóm sinh viên “thân Cộng” núp bóng “PG Ấn Quang”, một số từ trong nội bộ sinh viên Luật và một số từ bên ngoài xâm nhập vào. Nhóm sinh viên này hằng ngày tranh chiếm micro trong giảng đường sách động biểu tình. Đối kháng với các sách động nói trên, ngoài các sinh viên bình thường không đồng ý với lập luận sách động của nhóm người này, còn có các Sinh Viên Thanh Niên Công Giáo. Tuy nhiên hình thức đối kháng nói trên thường phát xuất từ động lực cá nhân của các sinh viên và đã xảy ra cảnh đánh nhau ngay trong khuôn viên nhà trường.

**- Trong thời gian anh Tô Lai Chánh hướng dẫn ban đại diện,** anh đặt trọng tâm sinh hoạt của sinh viên thuần túy vào các lãnh vực thể thao, xã hội, tránh không can thiệp vào các sinh hoạt có tính cách chánh trị. Tuy không đặc trọng tâm vào sinh hoạt chánh trị nhưng nhóm của anh Tô Lai Chánh xác định lập trường Quốc gia rất rõ rệt. Các Ban Đại Diện thời này, từ 1963 đến 67, duy trì đoàn kết giữa các nhóm sinh viên cùng lập trường rất tốt. Đây là nhóm đặt nền tảng cho SVĐLKSG, kéo dài nhưít (4 nhiệm kỳ). Về phía chánh quyền, “cảnh sát chìm” xuất hiện thường xuyên, ngày càng lộ liễu ra nhưng trong trạng thái theo dõi và bất động.

**- Vào những năm 63-64, 64-65,** song song với các cuộc biểu tình, có vài nhóm sinh viên xuất phát từ Củ Chi, Bình Long, Long An... âm thầm tuyên truyền móc nối các sinh viên đến từ các tỉnh xa. Họ chưa ra mặt tuyên truyền Cộng sản mà chỉ bắt đầu ca tụng các phong trào thanh niên tiền chiến. Trong nhóm này, có sinh viên trường luật Võ văn Thôn (4) đã bị bắt sau khi ký vào **“Tuyên Ngôn Dân Tộc Tự Quyết”** cùng với luật sư Nguyễn Long và bác sĩ Phạm Khắc Huyền. Năm 1966, BS Huyền và 6 người nữa đã bị Thủ Tướng Phan Huy Quát tổng xuất qua cầu Bến Hải. Từ đó nhóm sinh viên này biến mất.

**- Sau “Biến động miền Trung” 66-67,** một số sinh viên cộng sản từ miền Trung như Nguyễn đăng Trùng, Lê hiếu Đăng, Trịnh đình Ban, Đỗ hữu Cảnh... ra mặt hoạt động rất tích cực tại trường Luật. Đặc điểm của họ là bản thân sống rất khắc khổ, nhưng phương tiện sinh hoạt lại rất dồi dào; các tuần san, bán nguyệt san Đất Mới, Khai Phá in phát không với số lượng lớn

## **BAN ĐẠI DIỆN SVĐLKSG NIÊN KHÓA 1967-1968:**

Năm 1967, do sinh viên Vũ Quốc Thùy làm Trưởng Ban Bầu Cử, Liên danh Nguyễn đăng Trùng đắc cử niên khóa 67-68, chấm dứt thời đại của nhóm sinh viên Tô Lai Chánh kéo dài từ 63 đến 67.

Đắc cử Ban Đại Diện Luật Khoa, Nguyễn đăng Trùng, nắm luôn Tổng Hội Sinh Viên Saigon và Đại học xá Minh Mạng. Cao điểm và sinh hoạt nổi bật của nhóm này là tổ chức “Tết Quang Trung” vào dịp Tết Mậu Thân (1968). Mặc dù năm Mậu Thân này không có một mốc lịch sử nào liên quan đến chiến thắng Đống Đa. Họ tổ chức nấu bánh chưng mừng Tết tại Đại Học Saigon và điều đáng chú ý là trường Trung Học các tỉnh cũng đồng loạt tổ chức ăn mừng. Họ mượn lời **tuyên cáo của Vua Quang Trung “...27 ăn Tết trước, mừng 3 chiến thắng, mừng 5 ăn Tết lại...”** Họ tập hợp sinh viên học sinh chuẩn bị đón mừng “Giải Phóng Quân” chiến thắng!!! Tuy nhiên, trời bất dung gian, sau cuộc Tổng Tấn Công Tết Mậu Thân của Cộng Sản thất bại, nhóm Lê Hiếu Đằng, Nguyễn đăng Trùng và những tên sinh viên cộng sản bị lộ diện phải bỏ trốn vào mật khu .

### **BAN ĐẠI DIỆN SVĐLKSG NIÊN KHÓA 1968-1969:**

Sau cuộc Tổng Tấn Công Tết Mậu Thân của Cộng Sản vào các thành phố miền Nam. Bọn chúng đã tàn phá thành phố, sát hại đồng bào. Tinh thần chống cộng của dân chúng miền Nam lúc đó lên rất cao. Tại trường Luật, sinh viên Nguyễn văn Thành đắc cử BDD niên khóa 68-89, nhóm anh Thành có lập trường chống Cộng rất mãnh liệt, không khoan nhượng, sẵn sàng đánh dẹp, tịch thu truyền đơn, xé bỏ bích chương của các nhóm sinh viên khác trong sân trường nếu không có sự chấp thuận trước của BDD. Trước đây, mặc dầu nhóm của anh Nguyễn Văn Thành tuy ít sinh hoạt tại trường Luật nhưng từ năm 1963-64, các sinh viên trong nhóm này đã ra mặt chống lại các cuộc biểu tình xách động của sinh viên Cộng sản núp bóng “Viện Hóa Đạo-Phật giáo Ấn Quang”.

Vào thời điểm này, lực lượng Cảnh Sát cũng có nhu cầu truy quét sinh viên cộng sản nằm vùng nên đã hỗ trợ ngầm Ban đại diện của anh Nguyễn Văn Thành. Cảnh Sát đã bắt giữ các tên Cộng Sản ngay trong sân trường, trước cửa lớp học. Sự xuất hiện lộ liễu, thường xuyên, kém tế nhị của lực lượng an ninh, cảnh sát dần dần làm sinh viên mất cảm tình. Cụm từ “chống Cộng mướn” được nhóm sinh viên cộng sản tung ra nhằm gán ghép cho những sinh viên có lập trường Quốc Gia, khiến trong dư luận sinh viên căm thấy mặc cảm và khó chịu.

### **BAN ĐẠI DIỆN SVĐLKSG NIÊN KHÓA 1969-1970:**

Cuộc Bầu Cử niên khóa này diễn ra cuộc cạnh tranh quyết liệt trong sinh hoạt SVĐLKSG. Phía Cộng sản tập hợp hết các sinh viên thân Cộng từ các phân khoa khác đến ghi danh trường Luật để bỏ phiếu. Họ chuẩn bị những gương mặt sáng giá chưa bị lộ thành lập một liên danh ra tranh cử, quyết chiếm cho bằng được BDD-SV Luật. Trước sự kiện số

sinh viên ghi danh gia tăng bất thường, phía cơ quan an ninh cũng nhận ra điều này nên khuyến khích nhân viên Cảnh Sát, Tình Báo có đủ điều kiện cũng ghi danh. Trường cũng nên nói sơ lược về Trường Luật, đây là phân khoa ghi danh tự do, không qua thi tuyển, bình thường đã có hơn 10.000 sinh viên ghi danh. Sinh viên Luật gồm đủ thành phần xã hội, có số sinh viên và những trí thức trẻ quan tâm đến chánh trị hơn hết trong các phân khoa. Vị trí trường Luật lại nằm ngay Trung tâm thành phố, giữa các cơ quan công quyền.

Bầu cử BDD sinh viên Trường Luật niên khóa 1969-1970 là một cuộc đấu tranh ý thức chánh trị quốc cộng rõ rệt, không còn riêng của SV Luật mà của cả sinh viên Sài Gòn nói chung. Đây là sự lựa chọn xác định lập trường và sự trưởng thành chánh trị của sinh viên Sài Gòn.

Có 3 liên danh tranh cử, một liên danh gồm nhóm sinh viên có lập trường “thân Cộng” như Trịnh Đình Ban, Đỗ Hữu Cảnh, Nguyễn Đăng Liêm ... (sau năm 1975, những sinh viên này hiện nguyên hình là cán bộ Cộng Sản); và hai liên danh sinh viên với lập trường QUỐC GIA nhưng có chủ trương, phương thức sinh hoạt khác biệt: một bên là liên danh chống Cộng mạnh mẽ theo phương thức “đánh dẹp”, có sự hỗ trợ của Chánh Quyền; một bên là liên danh độc lập chống Cộng theo phương thức đấu tranh chánh trị với Cộng Sản trong khuôn khổ Tự Trị Đại Học của nhóm Tương Trợ Tự Sinh (Tự Lực Cánh Sinh). Kết quả bỏ phiếu, đại đa số sinh viên đã chọn lập trường sinh viên quốc gia của nhóm Tương Trợ Tự Sinh do sinh viên Võ Duy Thường thụ ủy. Về lập trường, mục tiêu, phương thức sinh hoạt của nhóm Tương Trợ Tự Sinh được viết trong phần phụ đính. Trong buổi trình diện BDD được tổ chức tại Giảng Đường 2 có sự chủ tọa của Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa Mai Thọ Truyền và giáo sư Khoa Trường Nguyễn Độ.

- **Về đối nội, sinh hoạt học tập, xã hội, thể thao** của BDD niên khóa 1969-1970 đạt được nhiều thành quả tốt đẹp. Ban Thể Thao do anh Nguyễn Cao Thăng hướng dẫn gồm có các sinh viên Phạm Như Thành, Trần Cháp Toàn, Trần Tuấn Anh đã đem về cho trường Luật các giải vô địch Liên Viện bóng bàn nam, sinh viên Đào Hoàng Mỹ đoạt giải vô địch Liên Viện bóng bàn nữ, sinh viên Oanh Oanh đoạt giải vô địch bơi lội nữ sinh viên Saigon. Về túc cầu, có sinh viên luật Lưu Hữu Phúc thay mặt sinh viên Saigon trong những trận đấu túc cầu Liên Viện. Ban văn nghệ Luật khoa quy tụ nhiều tài năng của trường Luật như: Hồng Thiện, Phi Huệ, Thạch Thảo, Nguyễn Chánh Tín, Bích Trâm đã tham dự các chương trình văn nghệ và thể thao Đại Hội Thanh Niên tại Vũng Tàu; viếng thăm và trình diễn tại các quân trường Võ Bị Quốc Gia, Trường Chiến Tranh Chánh Trị Đà Lạt.

### - Về đối ngoại, với lập trường Sinh viên Quốc Gia yêu Tự Do -

Hoạt động độc lập với chánh quyền và tất cả đảng phái của BDD Luật khoa được nhiều BDD phân khoa khác tán đồng. Đây là một nhiệm kỳ có nhiều biến động trong sinh hoạt trường Luật nói riêng và trong tất cả các phân khoa thuộc Viện Đại Học Saigon nói chung. Các biến động này bắt nguồn từ các nhóm sinh viên cộng sản phát động trong giới sinh viên các phân khoa và Tổng Hội Sinh Viên để xác động chống chính quyền, gây bất ổn chánh trị và làm xáo trộn an ninh trật tự công cộng.

Trong thời gian này, phía công lực đã bắt nhiều sinh viên Cộng sản, trong đó có **sinh viên cộng sản Huỳnh Tấn Mẫm, chủ tịch Tổng Hội Sinh Viên Saigon** tại Đại học xá Minh Mạng vào khoảng tháng 3 năm 1970. Việc chánh quyền giam giữ sinh viên Huỳnh Tấn Mẫm quá thời gian luật định mà không đem ra xét xử trước tòa án là duyên cớ để cộng sản kích động biểu tình tại các phân khoa đại học Saigon. Hội đồng đại diện sinh viên Saigon cũng lập ra “Ủy ban tranh đấu chống đàn áp sinh viên”. Bên ngoài, xuất hiện các nhóm sinh viên học sinh tranh đấu, các dân biểu, giáo sư, trí thức và báo chí đối lập, thiên tả hoặc thân Cộng mở nhiều đợt biểu tình, tuyệt thực đòi thả sinh viên Huỳnh Tấn Mẫm và các sinh viên bị bắt. Những cuộc biểu rần rộ, bãi khóa đã có tiếng vang tại Sài Gòn và được giới phản chiến ngoài nước làm ồn ào lên.

Ban Đại Diện trường Luật với chủ trương giữ yên cho môi trường học tập, vạch trần âm mưu và cô lập sinh viên Cộng Sản đang trà trộn để tuyên truyền, sách động biểu tình, phá rối an ninh trật tự công cộng. Trong tinh thần thượng tôn Hiến Pháp và bình đẳng trước Pháp luật, BDD đòi hỏi chánh quyền phải đưa sinh viên Huỳnh Tấn Mẫm ra xét xử “công khai và minh bạch” như mọi công dân khác khi phạm pháp. BDD trường Luật chủ động mời Đại Diện các phân khoa đại học khác đến họp trong văn phòng BDD để thảo luận về tình trạng biến động trong sinh viên. BDD Luật phân tích sự bất hợp lý khi sách động biểu tình, đòi trả tự do cho can phạm mà hoàn toàn không biết hồ sơ tội phạm. Lập trường đó được BDD các phân khoa đồng tình và hợp báo công bố. Sau đó, chánh quyền cũng chấp nhận đưa Huỳnh Tấn Mẫm ra xét xử tại tòa án Quân sự. Một kế hoạch lớn của Cộng Sản bị “Xi lốp”, họ bắt đầu kết án BDD luật.

Nhân đây, cũng xin nói thêm về những khó khăn đã xảy ra cho nhóm sinh viên quốc gia với lập trường độc lập, một mặt không lệ thuộc chánh quyền hoặc các đảng phái chánh trị, một mặt phải đối diện với thành phần sinh viên cộng sản, đã chịu nhiều áp lực nặng nề từ mọi phía. Trong lúc BDD trường Luật đang họp với Đại Diện các phân khoa đại học khác trong văn phòng BDD, thảo luận về tình trạng biến động trong sinh viên, phó trưởng ty cảnh sát quận ba đã chỉ huy lực lượng Cảnh Sát xâm nhập trường Luật, vi phạm quyền Tự Trị Đại Học, giải tán phiên họp

và lập biên bản truy tố chủ tịch BCH Võ Duy Thường 2 lần về tội hội họp bất hợp pháp ngay tại bên trong khuôn viên trường Luật. Tại tòa sơ thẩm Saigon, luật sư Lưu Vĩnh Khương, thay mặt BDD sinh viên Luật, phản bác hành động cảnh sát lập biên bản ngay tại bên trong khuôn viên trường Luật, vi phạm quyền Tự Trị Đại Học, xin tòa hủy án về hình thức và được tòa xác nhận.

**- Tham dự hội nghị quốc tế: Ban Đại Diện SVĐLKSG tham dự Hội Nghị Tổ Chức Thanh Niên Liên Minh Á Châu Chống Cộng tại Đài Bắc năm 1969.**

Về hoạt động đối ngoại, BDD Luật khoa cũng có nhiều giao dịch và trao đổi quan niệm với sinh viên nước ngoài. Năm 1969, đáp lời mời của Tổ chức Thanh Niên Liên Minh Á Châu Chống Cộng, Ban Đại Diện SVĐLKSG đã đến Đài Bắc tham dự hội nghị của tổ chức này. Đây là một tổ chức thanh niên quốc tế nối kết các quốc gia Á Châu trong nỗ lực yểm trợ các hoạt động chống chủ nghĩa Cộng Sản và chống độc tài. Chương trình đại hội bao gồm phần trình bày và trao đổi kinh nghiệm về vai trò thanh niên sinh viên trong công cuộc chống chủ nghĩa Cộng sản và độc tài. Xen vào các buổi họp còn có chương trình thăm viếng thủ đô Đài Bắc, Đài Nam, Hoa Liên... Điểm đặc biệt đáng chú ý là chánh phủ Trung Hoa Dân Quốc lúc bấy giờ rất chú trọng đến sinh hoạt thanh niên sinh viên và đánh giá cao vai trò của thành phần trí thức trẻ này. Ông Tưởng Kinh Quốc lúc đó là Phó Thủ Tướng kiêm Tổng Trưởng Giáo Dục và còn là chủ tịch Tổng Đoàn Thanh Niên Sinh Viên Trung Hoa Dân Quốc. Trong buổi tiệc bế mạc đại hội, phái đoàn BDD trường Luật đã chụp hình lưu niệm chung với Phó Thủ Tướng Tưởng Kinh Quốc. Kèm theo đây, tấm hình kỷ niệm theo năm tháng, một kỷ niệm duy nhất của chúng tôi còn sót lại trong sinh hoạt SVĐLK Saigon. Nhìn trong hình, theo thứ tự từ trái sang phải như sau: sv Nguyễn Đức Lâm, sv Phạm Đình Khuyến, sv Phan Văn Thức, Phó Thủ Tướng Tưởng Kinh Quốc, sv Võ Duy Thường, sv Lưu Vĩnh Khương và sv Mai Văn Hiền.

Theo lịch trình đã dự trù vào năm 1970, phái đoàn sinh viên các nước sẽ tái họp để tiếp tục trao đổi ý kiến tiến tới thành lập một Tổng Đoàn Thanh Niên Liên Minh Á Châu chống Cộng. Đến kỳ họp, Ban Tổ Chức đã gửi thư mời trực tiếp đến các thành viên Ban Đại Diện Luật Khoa. Theo thủ tục hành chánh, BDD Luật khoa phải thông qua Tổng Nha Thanh Niên. Và sau đó đã nhận được sự trả lời với đề nghị của chính Tổng Giám Đốc Thanh Niên lúc ấy là Đại Tá Lê Ngũ Hiệp xin “chia lại” cho Tổng Nha Thanh Niên 4 chỗ. BDD Luật khoa đã từ chối lời đề nghị này và quyết định hủy bỏ luôn sự tham dự. Trên nguyên tắc, Hội Nghị Tổ Chức Thanh Niên Liên Minh Á Châu Chống Cộng là một tổ chức mang sắc thái sinh hoạt chính trị, chống cộng và chống độc tài trong khi thực chất của

Tổng Nha Thanh Niên chỉ chú trọng về thể dục và thể thao. Kể lại chuyện này, không nhằm ý định chỉ trích cơ quan hành chánh hay cá nhân nào mà chỉ để có cái nhìn về bề trái của sinh hoạt sinh viên và sự khó khăn của người sinh viên quốc gia hoạt động độc lập vào lúc bấy giờ.

### **BAN ĐẠI DIỆN SVĐLKSG NIÊN KHÓA 1970-1971.**

Sinh Viên Đoàn Luật Khoa Sài Gòn một lần nữa quyết định về lập trường Quốc-Cộng trong cuộc bầu cử BDD sinh viên Luật niên khóa 70-71. Cuộc bầu cử này diễn ra giữa liên danh sinh viên cộng sản do Trịnh Đình Ban (Bảy Điểm) thụ ủy và liên danh sinh viên quốc gia, đại diện nhóm Tương Trợ Tự Sinh, do sinh viên Lê Khắc Sinh Nhật thụ ủy. Giống như cuộc bầu cử BDD trường Luật niên khóa 69-70, các sinh viên thân cộng trong các phân khoa khác cũng đã đổ xô về trường Luật để ghi danh bỏ phiếu cho sinh viên cộng sản Trịnh Đình Ban. Vì nhu cầu chính trị, cộng sản bỏ rất nhiều tiền để tranh cử, quyết chiếm cho được tư cách BDD trường Luật nhưng kết quả bầu cử, đại đa số sinh viên Luật đã bỏ lá phiếu tín nhiệm lập trường sinh viên quốc gia của Lê Khắc Sinh Nhật.

### **SÁT HẠI SINH VIÊN LÊ KHẮC SINH NHẬT (LKS).**

Bầu cử Ban Đại diện Tổng hội SVSG niên khoá 1970 – 1971 được tổ chức tại Trung tâm Quốc gia Nông nghiệp (Nông Lâm Súc), có 2 liên danh tranh cử : Huỳnh tấn Mầm và Lý Bửu Lâm (Lê Khắc Sinh Nhật ứng cử Phó Chủ tịch ). Có 16 phân khoa tham dự, khi đang kiểm phiếu kết quả nghiêng về liên danh Lý Bửu Lâm với 9 phiếu được bầu (đa số quá bán) và còn một số phiếu chưa kiểm, bọn Cộng Sản dờ ngay thủ đoạn đề tiện, chúng nhảy lên bục đá đổ thùng phiếu và ẩu đả hỗn loạn, phá vỡ cuộc bầu cử, ngăn không cho công bố kết quả .

Đây là một kế hoạch có toan tính trước của cộng sản vì họ đã dự kiến kết quả bầu cử qua lập trường của BDD các phân khoa. Bọn Cộng Sản đã tiên liệu thế thất bại nên thuê mướn bọn côn đồ không phải là sinh viên đến phá hoại, chúng là những võ sĩ chuyên đâm thuê chém mướn. BDD Luật đã nhận diện bọn này nhưng anh Lê Khắc Sinh Nhật đề nghị bỏ qua. (Lê Khắc Sinh Nhật mặc dù đứng vị trí Phó chủ tịch nhưng là người có uy thế quyết định trong liên danh)

Lúc này cácanh chị trong nhóm Tự Sinh, từ lớp của anh Võ Duy Thường trở lên, hầu hết đã tốt nghiệp và nhận nhiệm chức ở xa nhưng cũng về trường tư vấn cho LKS nên tuyên bố đắc cử và tiếp thu ngay trụ sở Tổng Hội SVSG “đừng để đêm dài lắm mộng “. LKS với bản chất ôn hòa, cho rằng lập trường các phân khoa đã rõ, dù có bầu cử lại cũng thắng cử. Hai ngày trước khi bị ám sát, LKS đã triệu tập phiên họp các phân khoa để bàn việc công khai tổ chức bầu cử lại .

Để ngăn chặn bầu cử lại, ngày 28-6-1971, Thành Đoàn Cộng Sản

bắn chết sinh viên Lê Khắc Sinh Nhật ngay tại hành lang trường Luật Sài Gòn. Ban ám sát Thành Đoàn cộng sản cử 2 tên tới Đại Học Luật Khoa, nhận là người nhà muốn gặp Lê Khắc Sinh Nhật có việc cần. Lúc đó, sắp tới mùa thi cuối năm, LKSN đang hướng dẫn sinh viên năm thứ nhất về cách thức thi cử tại một giảng đường. Nhật vừa ra tới hành lang, thì một tên móc súng bắn liền 3 phát vào ngực. Hắn phóng lên một chiếc Honda có đồng bọn nổ máy chờ sẵn. Hắn ném lại một quả lựu đạn nhưng may mắn, lựu đạn không nổ. Cảnh sát gác bên ngoài bắn 3 phát chỉ thiên và 1 phát trúng chân tên sát thủ. Sau đó Cảnh Sát đã bắt cả 2 tên tại Bệnh Viện Chợ Rẫy do 1 người lái cyclo máy trình báo. Tòa quân sự tuyên án tử hình 2 tên này, nhưng gia đình LKSN, vốn là Mục Sư Tin Lành đã xin ân xá khỏi án tử hình, giảm làm chung thân.

### **Thành Đoàn Cộng Sản giết SV Lê Khắc Sinh Nhật (LKSN) vì 3 lý do:**

#### **1- Công Sản giết LKSN nhằm loại trừ một đối thủ nguy hiểm .**

Cộng sản đã nhận thấy mối nguy từ các sinh viên thuần túy, có tinh thần quốc gia. Cộng sản cũng thấy rõ LKSN tuy là Phó chủ tịch nhưng là linh hồn của liên danh tranh cử THSV, là người có tư thế quyết định. LKSN là người của nhóm Tự Sinh. Năm trước chính nhóm này, qua BDD của anh Võ Duy Thường đã phá hỏng kế hoạch sách động gây rối của cộng sản đòi trả tự do không xét xử cho Huỳnh Tấn Mẫm.

#### **2- Ngăn chặn sự phát triển của các nhóm sinh viên quốc gia thuần túy , hoạt động độc lập với chánh quyền, không đảng phái, đang hình thành và bắt đầu tổ chức qui mô.**

Lập trường sinh viên Quốc gia hoạt động độc lập đang được đa số sinh viên hưởng ứng. Hai cuộc bầu cử liên tiếp tại trường Luật trong 2 niên khóa 69-70, 70-71, lập trường này đã đánh bại lập trường Cộng Sản một cách thảm hại. Trong cuộc tranh cử Ban đại diện sinh viên Luật niên khoá 1970-1971, sinh viên Lê Khắc Sinh Nhật trong vị trí thụ ủy liên danh có khuynh hướng quốc gia đã đánh bại liên danh Trịnh Đình Ban (Bảy Điểm), do Thành đoàn Cộng sản tận lực hỗ trợ. Và tiếp theo đó, Lê Khắc Sinh Nhật lại tham gia liên danh Lý Bửu Lâm với chức vụ Phó Chủ tịch Nội vụ trong cuộc bầu cử Tổng hội SVSG và đã đắc cử như vừa nêu trên . Lập trường sinh viên quốc gia này bắt đầu ảnh hưởng sâu rộng và được đa số BDD các phân khoa tán đồng.

#### **3- Nhằm mục đích lưu nhiệm BDD Tổng Hội SVSG của Huỳnh Tấn Mẫm, để làm bàn đạp ủng hộ liên danh tranh cử Tổng Thống VNCH sẽ tổ chức trong năm 1971.**

Mục tiêu của cộng sản là dựa vào kết quả cuộc bầu cử THSVSG

coi như chưa tuyên bố và âm mưu sát hại sinh viên LKSN để tạo ra tình trạng bất an trong giới sinh viên, giúp cho Huỳnh Tấn Mẫm có lý do tuyên bố lưu nhiệm. Và xa hơn nữa, cộng sản muốn xử dụng BDD và trụ sở Tổng Hội do Huỳnh Tấn Mẫm lãnh đạo dùng làm bàn đạp vận động bầu cử, ủng hộ cho liên danh tranh cử Tổng Thống VNCH sẽ tổ chức trong năm 1971. Đây sẽ là cơ sở tuyên truyền hợp pháp, nơi tiếp xúc báo chí và các nhân vật đối lập, hội tụ các phong trào, ủy ban, mặt trận hình thành theo giai đoạn. Cộng Sản bằng mọi giá phải duy trì cơ sở hợp pháp mà chúng đã nuôi dưỡng từ năm 1967 như việc Cộng sản đã dùng BDD Luật của Nguyễn đăng Trừng năm THSVSG để chuẩn bị cho mục tiêu Tổng Tấn Công Tết Mậu Thân trước đây.

Nhưng ý đồ không thành, chúng giết sinh viên LKSN để hù dọa nhưng kết quả trái ngược. Ngay khi LKSN vừa ngã xuống, SVDLK đã trả lời : **“Một LKSN nằm xuống hàng ngàn LKSN khác đứng lên”** và cũng ngay đêm canh thức trước khi vĩnh biệt LKSN, một số sinh viên kích động đã tự phát đánh đuổi cả bọn Huỳnh Tấn Mẫm và chiếm trụ sở Tổng Hội. Sau đó sinh viên Lý Bửu Lâm tuyên bố đả cử THSVSG.

Bị thất bại trong cuộc bầu cử Tổng Hội Sinh Viên và mất trụ sở Tổng Hội, Huỳnh Tấn Mẫm ngay lập tức họp một số sinh viên tại Tổng Vụ Thanh Niên Phật Tử, số 294 Công Lý, vào ngày 28-7-1971 để bầu ra một tổ chức mà lấy tên là **“Tổng Hội Sinh Viên Việt Nam”** do Huỳnh Tấn Mẫm làm Chủ tịch với ý đồ tiếp tục làm cơ sở vận động bầu cử Tổng Thống -VNCH. Tổ chức này không đại diện cho ai, không lừa được ai cả, ngoại trừ Phó Tổng Thống-Thiếu Tướng Nguyễn cao Kỳ. Ông Kỳ đã cho Huỳnh Tấn Mẫm mượn dinh Quốc Khách làm trụ sở và cử Đại Tướng Dương văn Minh đã cù cung Huỳnh Tấn Mẫm hơn 6 tháng. Cả 2 vị này vì lợi ích chánh trị của riêng mình đã tiếp tay cho Cộng sản nằm vùng. Tổng Thông Thiệu khi đến mời Thượng nghị Sĩ Trần Văn Hương vào Liên Danh, cho biết LD Dương Văn Minh – Trần Ngọc Liễng đang hình thành với sự hỗ trợ của Cộng Sản. Ở nông thôn do MTGPMN phụ trách ; ở thành phố do THSVSG của Huỳnh Tấn Mẫm phụ trách mặt nổi. Thế nên cộng sản bằng mọi giá phải giữ thế hợp pháp cho Huỳnh Tấn Mẫm, đó là nguyên nhân đưa đến cái chết của sinh viên LKSN.

Quyết định hạ sát sinh viên Lê Khắc Sinh Nhật là một quyết định đê hèn của Thành Đoàn Cộng Sản. Khi giết một sinh viên tranh đấu ôn hòa, Cộng Sản chẳng những lộ mặt tàn ác mà còn cho thấy sự thất bại thua cuộc trong đấu tranh tư tưởng. Đám tang sinh viên LKSN với hàng trăm ngàn đồng bào và sinh viên tham dự, một đám tang lớn nhất chưa bao giờ có trong cả nước.

Vì thế, sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, mặc dù họ tung ra nhiều tài liệu và sách báo khoe khoang thành tích đấu tranh của các tổ chức Thành

Đoàn, nhưng đặc biệt họ không hề dám công khai nhắc tới ‘thành tích’ ám sát sinh viên Lê Khắc Sinh Nhật

## **BAN ĐẠI DIỆN SVDLKSG NIÊN KHÓA 1971-1972.**

Sau khi sinh viên Lê Khắc Sinh Nhật ngã xuống, phó chủ tịch nội vụ là sinh viên Trương Văn Banh tiếp nối nhiệm kỳ còn lại và năm sau, đắc cử BDD Luật khoa nhiệm khóa 71-72.

## **CÁC BAN ĐẠI DIỆN SVDLKSG KẾ TIẾP TỪ 1972 ĐẾN 1975.**

Ảnh hưởng của hai vụ ám sát, sinh viên Lê Khắc Sinh Nhật ngày 28 tháng 6 năm 1971 và giáo sư Nguyễn Văn Bông ngày 10 tháng 11 năm 1971. Các cơ quan an ninh, tình báo đã quyết định kiểm soát chặt chẽ các sinh hoạt và các tổ chức ban đại diện sinh viên thuộc các phân khoa đại học Sài Gòn nói chung và tại đại học Luật khoa Sài Gòn nói riêng.

### **IV/- TƯ LIỆU VÀ HÌNH ẢNH SINH HOẠT.**

#### **1.- Bản Nội Quy Sinh Viên Đoàn Luật Khoa.**

Tiếc thay, chúng tôi đã thăm hỏi nhiều đồng môn trường Luật nhưng không ai còn lưu giữ bản văn này.

#### **2.- Hình ảnh sinh hoạt đối nội và đối ngoại của Sinh viên đoàn Luật Khoa.**



Như chúng tôi đã viết phần trên, chúng tôi chỉ lưu lại được một tấm hình cũ kỹ duy nhất chụp chung với Phó Thủ tướng Trường Kinh Quốc khi tham dự đại hội do Tổ Chức Thanh Niên Liên Minh Á Châu Chống Cộng tại Đài Bắc năm 1969. Mong rằng sẽ có những đồng môn khác còn lưu giữ những hình ảnh một thời đi học dưới mái trường Luật.

Về tư liệu, chúng tôi xin chuyển đến ban biên tập Kỷ Yếu Đại Học Luật Khoa để tùy nghi sử dụng một kỷ niệm riêng tư “Chứng-Thư Học-Trình và Hạnh Kiêm” của Đại Học Luật Khoa Sài Gòn, bản tiếng Việt và bản tiếng Anh, cấp cho cá nhân chúng tôi khi tôi chuẩn bị hồ sơ xuất ngoại du học.

Bài này viết theo lời yêu cầu của đồng môn Thiện Ý Nguyễn Văn Thắng dành cho Kỷ Yếu Đại Học Luật Khoa Saigon và dự trù phát hành trong buổi Hội Ngộ Toàn Cầu Cựu Sinh Viên Luật Khoa sẽ tổ chức vào năm 2015 tại Houston, Texas. Đây không biết tổng cộng là lần thứ mấy, anh em cựu sinh viên Luật khoa Saigon tại hải ngoại có dịp gặp nhau tay bắt mặt mừng, “tha phương ngộ cổ tri”. Ngẫm nhìn thời gian trôi nhanh, nay đã hơn nửa đời người, nửa vòng trái đất, những người sinh viên quốc gia được gặp lại nhau, cùng nhau kể lại những kỷ niệm của thời sinh viên trong các mùa bầu cử, anh em các nhóm trong BDD, kể cả anh em đồng môn luật khoa từng phục vụ trong các ngành Cảnh Sát, Tình Báo ... thường hay chí chóc cãi nhau trong sân trường; khác cương vị nhưng đồng chí hướng phụng sự lý tưởng quốc gia. Bây giờ gặp lại, cầm tay nhau nhắc lại chuyện xưa trong tình huynh đệ đồng môn, cùng nhìn một hướng nguyện cầu cho đất nước sớm được tự do, dân chủ, dân tộc được thịnh vượng phú cường. Nhân đây, cũng tiếc thay cho những đồng môn đã lầm đường phục vụ cho chủ nghĩa cộng sản vô nhân, đến khi miếng vỏ chanh bị vắt cạn mới bắt đầu tỉnh thức, dù hơi muộn màng, nhưng có còn hơn không, những người một thuở được đào tạo dưới mái trường Luật Khoa Đại Học Saigon.

California, ngày 05 tháng 12 năm 2014

**Võ Duy Thường**

Nguyên chủ tịch BCH-SVĐLKSG niên khóa 1969-1970

Gia nhập Luật Sư Đoàn Sài Gòn 1970

Chuyên Viên Đặc Nhiệm - Bộ Tư Pháp VNCH 1974-1975

VP Tổng Trưởng Bộ Tư Pháp Dương Đức Thụy.

### **Chú thích:**

- (1) Tô Lai Chánh, chủ tịch BDD-SVĐLKSG năm 1964, sau này là Ủy Viên Chánh Phủ tòa án quân sự.
- (2) Trần Tự Lập, nguyên Chỉ huy trưởng Cảnh sát quận 10, thành phố Sài Gòn.
- (3) Huỳnh Tấn Mẫm, vào Đảng năm 1971, nguyên Chủ tịch Tổng hội Sinh viên Sài Gòn trước 1975, sau năm 1975 đi Liên Xô học về Triết học Mác Lênin, nguyên đại biểu Quốc hội khóa 6, nguyên Tổng biên tập báo Thanh Niên, TP. Hồ Chí Minh.
- (4) Võ Văn Thôn, vào Đảng năm 1965, nguyên Giám đốc Sở Tư pháp TP. Hồ Chí Minh.

### **PHỤ ĐÍNH TÀI LIỆU VỀ NHÓM TƯƠNG TRỢ TỰ SINH (Tự Lực Cánh Sinh):**

Nhóm Tương Trợ Tự Sinh nguyên thủy chỉ là một nhóm tương trợ do nhu cầu học tập. Sinh viên trong nhóm này bắt đầu nối kết với nhau theo sự quen biết từ trường Trung Học hay từ theo địa phương giúp nhau ghi lại bài giảng của giáo sư và bổ túc các thiếu sót. Trong mỗi lớp có từ 5-7 môn học, mỗi môn học có từ 3-5 nhóm ghi bài, trao đổi sửa chữa, cho nhau mượn bài. Lần lần nhóm này nghĩ đến nhu cầu ẩn loát giúp bạn. Trong nhóm còn tổ chức các lớp hướng dẫn học tập, người lớp trước giúp người lớp sau. Từ nhu cầu học tập đã tạo ra sự quen biết nhau giữa các sinh viên ngày càng lớn mạnh, nối kết được tất cả các lớp. Vì là các sinh viên thuần túy có mặt thường xuyên trong lớp học nên anh chị em trong nhóm Tương Trợ Tự Sinh nhận diện được những “cảnh sát chìm”, mèo đang rình bắt chuột, tổng quát mà nói, việc làm này hoàn toàn đúng với nhiệm vụ của họ nhưng việc bắt bớ nhìn chung không được thiện cảm của đa số sinh viên, tạo cơ hội cho nhóm sinh viên Cộng Sản lợi dụng việc đó để tuyên truyền và gây nghi kỵ trong dư luận sinh viên với mưu đồ chính trị do Cộng sản chỉ đạo.

Nhận thấy hoạt động của sinh viên cộng sản ngày càng gia tăng đến mức độ nghiêm trọng trong sinh hoạt sinh viên Luật, nhóm Tương Trợ Tự Sinh bắt đầu tổ chức lại để đối đầu với nhóm sinh viên Cộng Sản. Nhóm này xác định lập trường:

- 1) Sinh viên Quốc Gia yêu Tự Do.
- 2) Hoạt động độc lập với chánh quyền và tất cả đảng phái bằng chủ trương “**Tự Lực Cánh Sinh**”.
- 3) Kết nối sinh viên bằng tình huynh đệ, tình bằng hữu, người

đi trước góp ý, góp kinh nghiệm tư vấn cho người đi sau trong sinh hoạt học tập.

Quan niệm sinh hoạt nội bộ của anh chị em trong nhóm Tương Trợ Tự Sinh có thể tóm lược như sau:

1- Sinh viên là người trí thức trẻ. Trí thức là người biết suy nghĩ, Trẻ là người dám hành động theo suy nghĩ và lý tưởng của mình.

2- Sinh viên là thành phần lãnh đạo tương lai của đất nước, như là sinh viên Luật, cần có phát huy lý tưởng Tự Do như là Tự Do tư tưởng, Tự Do ngôn luận, tạo môi trường tranh luận bình đẳng giữa các sinh viên để định hướng và góp phần phục vụ đất nước trong tương lai. Nhóm chủ trương ôn hòa, tôn trọng lẫn nhau, đấu tranh chánh trị với sinh viên Cộng Sản và thân cộng trong khuôn khổ Tự Trị Đại Học.

3. Ngoài việc trợ giúp nhau học tập, trong những buổi lần gặp gỡ riêng trong nhóm như sinh nhật, du ngoạn, picnic... nhóm thường sinh hoạt với hình thức mạn đàm về lý thuyết chánh trị, thời sự, phân tích những đề tài Cộng Sản đang tuyên truyền; bạch hóa những hành vi xuyên tạc gây chia rẽ trong nội bộ sinh viên để xúi dục, sách động biểu tình... Trong hai niên khóa 63-64 & 64-65 với tiền ít ỏi còn lại sau khi in bài, nhóm cho phát hành hằng tháng tập san “Diễn Đàn Luật Khoa- Tiếng nói Tự Do của sinh Viên Luật” và một Bản Tin Luật Khoa.

Đây là một Diễn Đàn Tự Do nên nhóm nhận bài từ mọi phía, sinh viên có dịp tranh luận tự do từ lý tưởng bình đẳng, công bằng xã hội, nhân quyền trong thể chế dân chủ pháp trị đến các lý thuyết từ không tưởng đến thực tế xã hội của Lenin, Mao, Hồ... Bản tin Luật Khoa phát hành mỗi 2 tuần đã giúp sinh viên kiểm chứng, bạch hóa được tin tức Cộng Sản đang rỉ tai xuyên tạc hay phóng đại trong sinh hoạt trường Luật.

Sau 50 năm nhìn lại, nhóm Tương Trợ Tự Sinh thành lập từ niên khóa 63-64 là một trong những nhóm sinh viên có ảnh hưởng trong sinh hoạt sinh viên trường Luật. Nhóm này đắc cử Ban Đại Diện Luật Khoa trong 3 niên khóa liên tiếp, họ là những người sinh viên ôn hòa đã “lấy chính nghĩa thắng cường bạo” ...

Sau 50 năm nhìn lại, tất cả thành viên của nhóm vẫn giữ vững lập trường quốc gia, kể cả những bạn bè còn kẹt lại Việt Nam. Tất cả thành viên của gia đình Tự Sinh vẫn giữ nguyên tình bạn và nối kết thường xuyên sâu đậm giữa anh chị em./.

**Võ Duy Thường**

VIỆN ĐẠI - HỌC SAIGON  
 LUẬT - KHOA ĐẠI - HỌC ĐƯỜNG  
 17, Đường Duy-Tân — Saigon  
 Điện-thoại : 20 103

CHỨNG-THƯ HỌC-TRÌNH VÀ HÀNH-KIỆM

Khoa-Trưởng Luật-Khoa Đại-Học Đường Saigon

Chúng nhân :

Sinh-viên VÕ DUY THƯỜNG

sinh ngày 15.5.1946 tại Tây-Ninh

hiện là sinh-viên Cao-Học Tư-Pháp đệ-nhi Cấp tại Trường  
 Đại-Học Luật-Khoa Saigon niên-khóa 1972-1973.

Sinh-viên VÕ DUY THƯỜNG là một trong những sinh-  
 viên xuất sắc của bản Trường.

Tính tình hòa nhã đĩnh đạc, sinh-viên VÕ DUY THƯỜNG  
 xứng đáng là một sinh-viên gương mẫu.

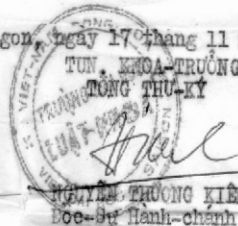
Ngoài ra sinh-viên VÕ DUY THƯỜNG là một thanh-niên  
 hoạt-dộng, có một tinh thần tranh đấu rất cao đề bảo vệ  
 những quyền lợi chính đáng của sinh-viên, và còn có một  
 lập trường chính-trị quốc-gia vững chắc. Vì vậy, liên  
 tiếp những niên-khóa vừa qua, sinh-viên VÕ DUY THƯỜNG  
 đã được tập thể sinh-viên Trường Luật tín nhiệm vào các  
 chức-vụ sau :

- Chủ-Tịch Ủy-Ban Chấp-hành Sinh-viên Đoàn  
 Luật-Khoa Saigon, niên-khóa 1969-70
- Chủ-Tịch Hội-Đồng Kiểm-Soát Sinh-viên Đoàn  
 Luật-Khoa Saigon, niên-khóa 1970-71
- Cố-Văn Ban Đại-Diện Sinh-viên Luật-Khoa NK.1971-72

Với những trách vụ trên, sinh-viên VÕ DUY THƯỜNG  
 đã hoạt-dộng tích cực và hăng hái cho tập thể sinh-viên  
 Luật-Khoa Đại-Học Saigon.

Chứng-thư này cấp cho đương-sự đề tiện việc xử  
 dụng khi cần ./.

Saigon, ngày 17 tháng 11 năm 1972



NGUYỄN THƯỜNG KIẾN  
 Đốc-Sự Hành-chánh.

## PHẦN II

### ĐẠI HỌC LUẬT KHOA SÀI GÒN

#### HỒI ỨC CỦA:

Các Giáo Sư  
Các Cựu Sinh Viên Luật Khoa Sài Gòn



# HỒI ỨC

## ĐỜI TÔI VÀ NGÀNH LUẬT:



### GIÁO SƯ VŨ QUỐC THÚC

**NGUYÊN KHOA TRƯỞNG ĐẠI HỌC LUẬT KHOA SÀI GÒN.**

**Lời BBT.** *Giáo sư Vũ Quốc Thúc, Thạc sĩ kinh tế Đại Học Paris (1952), nguyên Khoa Trưởng Đại Học Luật Khoa Sài Gòn (1957 – 1963), hiện hưu dưỡng tại Paris thủ đô Pháp Quốc. Bài viết này đã được đăng tải trong Đặc san Luật khoa 2007 ấn hành nhân Hội Ngộ Mùa Xuân 2007 của cựu sinh viên Luật khoa tổ chức tại Houston, Texas, Hoa Kỳ ngày 18-3-2007. Nay một lần nữa xin được đăng lại trong Kỷ Yếu Đại Học Luật Khoa Sài Gòn (1955-1975)*

**N**hân dịp ấn hành Kỷ Yếu Đại Học Luật Khoa Sài Gòn, tôi muốn gửi lại bài hồi ức đã viết từ mùa Đông năm Ất Dậu 2006, với một số kỷ

niệm về những cơ duyên đã khiến cho tôi “bỗng dưng” “trở nên giáo sư đại học và gắn bó 25 năm hoạt động nhất của đời tôi (từ 01.01.1951 đến 30.04.1975) với trường Luật Hà Nội rồi với hậu thân của nó là trường Luật Sài Gòn.

Tôi đậu Tú Tài, ban Triết Học, khóa tháng 6 năm 1939. Trong buổi gặp gỡ chia tay ông Rossignol giáo sư Triết của tôi ở Trường Trung Học Albert Sarraut, Hà Nội, hỏi tôi: “Anh định làm gì?”. Khi tôi trả lời “Có lẽ tôi học Luật!”, ông ta nói: “Ngành Luật có thể đưa Anh tới mọi địa vị và cũng có thể không đưa Anh tới đâu cả!” (Le Droit peut mener à tout et à rien!). Lời khuyên này khiến tôi hoang mang: tôi quyết định ghi danh vào ban Toán Lý Hóa (P.C.B.) với hy vọng sau đó sẽ học Y Khoa, như vậy còn có thể “làm chủ” tương lai của mình hơn là với bằng cử nhân Luật. Nhưng số Trời đã định: học được hai tuần tôi chịu không nổi! Vào lớp học chỉ ngáp dài: lời thầy giảng chẳng khác gì nước đổ đầu vịt, thế là tôi vội vã bỏ ban PCB và ghi danh học Luật vì chỉ còn vài ngày là hết hạn. Vào trường này tôi cảm thấy thoải mái hơn nhiều, linh hoạt dễ dàng, do đó tốt nghiệp cử nhân luật đúng kỳ hạn 3 năm (1939-1942).

Cũng như đa số bạn đồng học khác, ưu tư của tôi sau khi tốt nghiệp là làm sao kiếm được kế sinh nhai để khỏi nhờ vả gia đình. Trong hoàn cảnh chính trị của nước ta vào thời điểm ấy (Quân đội Nhật chiếm đóng, Toàn Quyền Decoux theo chính phủ Vichy nên vẫn tiếp tục cai trị các tổ chức ái quốc của ta thì chỉ có thể hoạt động ở Trung Hoa, trong những vùng do quân đội Tưởng Giới Thạch kiểm soát, hoặc hoạt động bí mật trong nước để đợi thời) lối thoát đương nhiên của các tân cử nhân luật là làm công chức hay dạy học ở các trường trung học tư thực. Làm luật sư ư? Nghề này mặc nhiên là một độc quyền của những tiến sĩ hay cử nhân luật có Pháp tịch, do đó tôi không dám nghĩ tới! Thay vì thi Tri Huyện để rồi làm quan như hầu hết các bạn đồng khoa, tôi thi Biên Tập Viên hành chánh là một ngạch mới được Chính quyền Thuộc địa Pháp đặt ra để chuẩn bị cho người Việt thay thế dần dần công chức Pháp trong các công sở trực thuộc Pháp. Tôi thành thực thú nhận rằng lý do “thâm kín” của tôi chỉ là để có thể kiếm tiền mà vẫn ở lại các thành phố lớn như Hà Nội, Huế hay Sài Gòn. Tâm trạng của tôi dễ hiểu: Tôi hãy còn là một thanh niên độc thân nên tha thiết với nếp sống thành thị, không muốn vui thân ở một huyện lỵ nơi thôn quê... Đây lại là một cơ may nữa cho tôi vì đúng lúc ấy Trường Luật Hà Nội đặt thêm hai bằng Cao Học: Cao học Tư Pháp (Droit Privé) và Cao học Kinh Tế Chính Trị (Economie Politique). Với hai bằng Cao học này, sinh viên có thể xuất trình một luận án để lấy học vị Tiến sĩ Luật. Trước đó, sau khi tốt nghiệp cử nhân, sinh viên nào muốn học Tiến sĩ phải sang Pháp. Tại sao chỉ có 2 chuyên khoa Tư Pháp

và Kinh Tế ? Lý do : Nhà trường chỉ có 2 giáo sư thực thụ còn hiện diện ở Hà Nội : G.s. Camerlynck ( Tư Pháp) và G.s. Kherian ( Kinh Tế). Dĩ nhiên tôi đã ghi danh theo học ban Tư Pháp để năm sau sẽ học Kinh Tế . Số sinh viên có thể đếm trên đầu ngón tay: ngoài tôi còn có bạn thân của tôi là anh Nguyễn Cao Hách .

Tháng 5 năm 1944 , tôi đậu xong 2 bằng Cao học và bắt đầu nghĩ tới việc soạn thảo luận án Tiến sĩ mặc dù chưa biết bao giờ mới có thể sang Pháp xuất trình ! Chính lúc này , quân đội Đồng Minh đổ bộ ở Normandie và công cuộc giải phóng lục địa Âu Châu bắt đầu .

Tôi đang tòng sự ở Phủ Toàn Quyền Hà Nội : nếu Chế độ Vichy sụp đổ tất nhiên Toàn Quyền Decoux sẽ mất chức ! Tôi đệ đơn dự kỳ thi Tri Huyện tổ chức tháng 9 năm ấy , không phải vì tiên đoán sẽ có biến cố chính trị : sự thực là tôi chẳng biết chi hết , chỉ nghĩ đến tình trạng riêng tư của mình thôi ! Tôi muốn về một vùng quê để thu thập dữ kiện cần thiết cho cuốn luận án tôi đang soạn : ở chức vụ huyện trưởng tôi hy vọng có thể thu thập dễ dàng những dữ kiện ấy , có thể thôi ! Nhìn lại quá khứ , tôi không khỏi nhận định là mình vô cùng khờ khạo ! Nếu hồi đó tôi có một kiến thức sâu sắc hơn về chính trị , có lẽ tôi đã hành động khác hẳn và cuộc đời cũng đã khác hẳn ! Âu cũng là Định Mệnh và biết đâu “ thánh nhân “ chẳng đã “ đãi kẻ khờ khờ “ !

Thế rồi các biến cố đã dồn dập xảy ra : cũng như nhiều dân Việt khác , tôi bị lôi cuốn theo cơn lốc chính trị . Sau khi đậu thủ khoa kỳ thi Tri Huyện tôi được bổ nhiệm tập sự ở Phủ Tổng Đốc Hà Đông - nghĩa là ngay cạnh thành phố Hà Nội . Tháng 5 năm 1945 , tôi được cử làm Huyện Trưởng ở Hà Nam . Nơi đây , cuối tháng 8 năm 1945, tôi đã “hân hoan” chuyển giao quyền hành cho Ủy Ban Cách Mạng Việt Minh để trở về Hà nội làm Luật sư tập sự ở Toà Thượng Thẩm . Sau cuộc đột biến quân sự đêm 19 tháng 12 năm 1946 , tôi tản cư ra Chiến Khu 3 và tới mùa thu 1947 thì được cử làm Ủy Viên Hành Chính trong Ủy Ban Kháng Chiến tỉnh Hưng Yên . Chính nhờ ở chức vụ này mà tôi đã biết rõ thực chất của Mặt Trận Việt Minh : đó chỉ là một bình phong để Đảng Cộng Sản Đông Dương thao túng cuộc kháng chiến chống Pháp với mục đích không còn che dấu nữa là thực hiện cuộc cách mạng vô sản trên toàn cõi Đông Dương . Cũng nhờ ở chức vụ này mà tôi đã có thể theo sát các cuộc vận động để đưa Cựu Hoàng Bảo Đại lên ngôi vị Quốc Trưởng của nước Việt Nam tái thống nhất . Một khi biết rõ tình hình là như vậy , tôi đã không ngần ngại trở về Hà Nội cùng toàn thể gia đình vào tháng 7 năm 1948 . Đây quả thực là một hành động táo bạo , nếu không muốn nói là liều lĩnh. Nhưng lúc đó lòng tôi đã quyết... Tháng 8 năm 1948 , tôi gửi một lá đơn lên Thủ Tướng

của Chính Phủ Trung Ương Lâm Thời Việt Nam , mới thành lập , để xin cấp một học bổng sang Pháp trình luận án Tiến sĩ Luật . Sau khi nhận được đơn , Thủ Tướng Nguyễn Văn Xuân mời tôi tới , cho tôi hay rằng trong tình trạng của tân chính phủ lúc ấy , ông chưa thể cấp học bổng nhưng đề nghị tôi làm việc trong văn phòng ông với tư cách Công Cán Ủy Viên và hứa rằng sau 6 tháng ông sẽ phái tôi sang Pháp làm việc : như vậy tôi vừa có cách sinh sống vừa soạn thảo luận án Tiến sĩ . Tôi đã nhận lời . Cơ may này đối với tôi hoàn toàn bất ngờ : phải chăng là số Trời ?

Thủ Tướng Xuân đã giữ đúng lời hứa : tháng 4 năm 1949 tôi được phép sang Pháp cùng vợ bằng đường biển . Lợi dụng thời gian hiện diện ở Paris , tôi soạn thảo một luận án về chủ đề “ Ảnh hưởng của định chế làng xã trong sự tiến hóa của nền kinh tế và xã hội Việt Nam “ ( Tựa Pháp ngữ vẫn tắt là *L'Economie communaliste du Vietnam* ). Tháng 5 năm 1950 , tôi được phép xuất trình luận án và được cấp học vị Tiến sĩ Luật . Đồng thời tôi thi và đậu bằng Cao Học mới thiết lập ở Pháp là Cao Học Kinh Tế Học ( *Diplôme d'études supérieures de Science Economique* ) : với bằng Cao Học Kinh Tế Chính Trị tôi đã có , tôi được phép đổi học vị Tiến sĩ Luật thành học vị Tiến sĩ Kinh Tế vì luận án của tôi liên can đến kinh tế và chính trị nhiều hơn là với Tư Pháp . Cũng trong thời gian này , Chính phủ Việt Nam chấm dứt công tác của tôi ở Pháp và cho phép tôi hồi hương bằng đường biển ( như khi ra đi ).

Trong khi đợi tàu ( khởi hành vào tháng 12 năm 1950 ) , ngẫu nhiên tôi thấy một bản thông cáo ở trường Luật Khoa Đại Học Paris loan tin là vào trung tuần tháng 9 năm 1950 sẽ có kỳ thi tuyển giáo sư thạc sĩ kinh tế học chung cho các trường đại học trong Liên Hiệp Pháp. Muốn dự thi , phải có học vị Tiến sĩ Kinh Tế và 3 bằng Cao Học ( Luật hay Kinh tế ) và phải là công dân Pháp hay công dân Liên Hiệp Pháp . Nhận thấy tôi hội đủ điều kiện nên nảy ý kiến : Tại sao mình không thử thời cơ nộp đơn dự thí ? Biết đâu ... không ngập được ruồi ! Vả chăng , đảng nào cũng phải ở Pháp cho tới tháng 12 : như vậy có mất gì đâu ! Tôi nói thử thời cơ vì việc dự thi của tôi có thể coi là liều lĩnh , 10 phần chắc hỏng đến 9 . Theo thường lệ , để chuẩn bị kỳ thi , các ứng viên phải thực tập thuyết trình và tranh luận cả năm dưới sự hướng dẫn của những giáo sư lão thành , phải có những công cuộc khảo cứu đã được công bố , và nhất là phải lập thành những nhóm thí sinh gồm 3 , 4 .. người để giúp đỡ nhau trong việc tìm kiếm tài liệu . Kỳ thi thạc sĩ mở hàng năm nhưng chia ra bốn chuyên ngành : Tư Pháp , Công Pháp , Pháp Chế Sử và Kinh Tế Học . Hai ngành Tư Pháp và Pháp Chế Sử thì những năm lẻ còn hai ngành Công Pháp và Kinh Tế Học thì thi những năm chẵn : do đó nếu rớt thì phải đợi 2 năm mới có thể thi lại . Dĩ nhiên , tôi đã phải dự thí “ đơn phương độc mã ” vì

mới đậu Tiến Sĩ được mấy tháng nên không thể gia nhập những nhóm đã có sẵn. Hành động liều lĩnh của tôi không ngờ đã là một cơ may vì trong số hơn năm chục thí sinh chỉ có một mình tôi là ngoại quốc, được phép dự thi với tư cách công dân Liên Hiệp Pháp: nhờ vậy mà ai nấy đều hiếu kỳ xem “thằng da vàng mũi tẹt” này khả năng ra sao mà dám đơn thương độc mã ứng thi giáo sư giảng dạy Kinh tế học bằng tiếng Pháp. Khóa thi này chỉ có 4 người trúng tuyển, trong đó có ông Raymond Barre, đến năm 1976 được cử làm Thủ Tướng Pháp. Dĩ nhiên, tôi đã rớt nhưng được vào tới kỳ thuyết trình chót (admissible), như vậy cũng là một thành tích bất ngờ đối với một kẻ vừa đậu tiến sĩ được mấy tháng lại thi trong hoàn cảnh cô đơn không bạn bè nào giúp đỡ. Chính vì vậy mà sau kỳ thi, Ban giám khảo muốn giúp tôi, đề nghị cho tôi ở lại Pháp để làm việc trong Trung Tâm Quốc Gia Khảo Cứu Khoa Học (C.N.R.S.) với tư cách nghiên cứu sinh. Nhưng tôi từ chối vì đã quyết định trở về nước. Cơ may của tôi là nhờ vậy mà 27 năm sau kỳ thi, ông Raymond Barre còn nhớ tên tôi can thiệp với Thủ Tướng Phạm Văn Đồng để tôi được di cư sang Pháp... Âu cũng là Định Mệnh!

Chiếc tàu chở tôi hồi hương lại cũng chính là chiếc André Lebon đã chở tôi sang Pháp. Tàu đi thẳng tới Hải Phòng nhưng ghé bến Sài Gòn. Lợi dụng cơ hội này tôi tới thăm ông Khérian, giáo sư cũ của tôi ở Hànội, lúc đó giữ chức Khoa Trưởng Luật Khoa Đại Học. Nên biết rằng sau cuộc đảo chính Nhật ngày 9 tháng 3 năm 1945 Phân khoa Luật của Viện Đại Học Hànội ngưng hoạt động, tới đầu năm 1947 mới hoạt động trở lại. Phân khoa gồm 2 trung tâm, trung tâm chính ở Sài Gòn nơi ông Khérian, Khoa Trưởng, cư ngụ, trung tâm thứ hai ở Hànội giao cho một nhóm giáo sư được gửi từ Pháp sang công tác. Thời gian công tác giới hạn trong một niên học, từ tháng 11 năm trước tới tháng 6 năm sau. Lý do: Hànội bị coi là một nhiệm sở ở tiền tuyến vì đang có chiến tranh với Việt Minh. Ông Khérian gặp tôi vui mừng khôn xiết vì lúc đó trung tâm Hànội không có ai phụ trách 2 môn kinh tế toàn niên (ở lớp Cử nhân 1 và Cử nhân 2): ông Khérian mời tôi làm giảng sư (chargé de cours) để phụ trách cả hai môn kinh tế ở Hànội. Như vậy sự hồi hương của tôi thật đúng lúc, chẳng khác chi có một bàn tay vô hình (main invisible) sắp đặt trước! Riêng đối với tôi thì đúng câu tục ngữ “buồn ngủ gặp chiếu manh”: Vì tôi cũng đang băn khoăn chưa biết sẽ kiếm việc gì khi về tới Hànội.

Tôi khởi sự dạy học từ trung tuần tháng 01 năm 1951, nghĩa là chỉ mười ngày sau khi về Hànội. Đối với một kẻ “chân ướt chân ráo” vào nghề đại học mà phải phụ trách hai môn toàn niên - mỗi ngày 1 giờ - quả thật là vất vả vì muốn giảng 1 giờ cần soạn bài cả một buổi, có khi lâu hơn nữa. Tôi dạy hơn 2 tuần thì nhận được quyết định của ông

Viện Trường Viện Đại Học bổ nhiệm tôi làm giảng sư với số lương tháng 5.000\$ IC ( đồng bạc Đông Dương ) trong khi một đồng sự khác của tôi ở trường Luật Hànội , người Pháp , có bằng Tiến sĩ Luật , được trả 17.000\$ IC . Tôi lập tức tới gặp G.s. Heyraud , Giám Đốc Trung Tâm Hànội , cho ông ta biết rằng tôi không nhận quyết định và ngừng dạy học kể từ hôm sau vì lý do Viện Đại Học Hànội không tôn trọng một nguyên tắc cơ bản của ngành đại học là “ làm việc như nhau thì thù lao như nhau “ ( A travail égal salaire égal ) . G.s. Heyraud hoảng sợ , yêu cầu tôi hoãn từ chức để ông ta gặp ông Viện Trường đã . Ông Viện Trường lúc đó mới hiểu là đã bị văn phòng của ông “ đánh lạc hướng” : Điều khiển văn phòng này là một nhóm công chức người Việt , làm việc ở Nha Học Chính Pháp từ thời Toàn Quyền Decoux , đầu óc còn nặng tinh thần “ dân thuộc địa” : họ tưởng rằng một giảng sư Việt Nam thì phải thù lao giống như mọi công chức Việt Nam tòng sự ở các công sở trước năm 1945 chứ không thể trả lương như người Pháp . Phản ứng mạnh mẽ của tôi bắt buộc Viện Đại Học phải xét lại toàn diện vấn đề thù lao . Rút cục Viện đề nghị trả các giảng sư người Việt 10.000\$ , tức 10/17 số thù lao của giảng sư người Pháp vì số sai biệt là tiền phụ cấp ly hương (indemnité d’expatriation ) từ lâu được ấn định là 7/10 lương căn bản . Tôi chấp nhận đề nghị này vì thấy hợp lý : tôi là người Việt làm việc ở nước mình , đâu có phải dân Pháp ly hương !

Cuối tháng 5 năm 1951 , toàn thể nhóm giáo sư người Pháp ở Trường Luật Hànội trở về Pháp vì hết hạn công tác : tôi được ủy quyền xử lý thường vụ . Tới tháng 9 năm đó , không thấy một giáo sư nào được Paris gửi sang trong khi giáo sư Khoa Trường Khérian bận việc ở Sài Gòn , tôi đành phải tự mình tổ chức khóa thi mùa thu : Lợi dụng cơ hội này tôi đã mời một số nhân vật Việt Nam có bằng Tiến sĩ Luật tham gia ban giám khảo như quý vị Luật sư Vũ Văn Hiến , Luật sư Bùi Tường Chiêu , Luật sư Nguyễn Huy Chiêu , cùng một số thẩm phán cao cấp Pháp thuộc toà Thượng Thẩm Hànội . Các vị này đều vui vẻ hưởng ứng lời mời của tôi : Ông Khérian chỉ cần ra Hànội một tuần lễ để chủ tọa . Khóa thi diễn tiến rất đẹp đẽ . Sau đó tôi đã ngỏ ý mời các nhân vật trên tiếp tục cộng tác với trường Luật Hànội , để dạy một số môn luật . Ai nấy đều nhận lời , coi đó là một công tác thích thú mặc dù thù lao chẳng được bao nhiêu . Nhờ vậy Niên khóa 1951-1952 có thể khởi sự mặc dù nhóm giáo sư của Paris vẫn chưa sang như đã hứa ! Mãi tới tháng 12 , một giáo sư thực thụ có nhiều kinh nghiệm về Đông Dương là Le Breton , mới được cử tới Hànội để phụ trách việc giảng huấn : ông này tưởng rằng với ngạch trật khá cao của mình , thì đương nhiên có quyền điều khiển Trung Tâm và tôi phải “ khúm núm “ lãnh chỉ thị của ông . Ông ta nói thẳng với tôi : “Trong Đại học , một vị giáo sư thực thụ có thể coi như một tướng lĩnh còn một kẻ đang thi

thạc sĩ thì ngang với một chuẩn úy . Như vậy Anh thừa biết bốn phận của Anh ra sao rồi “ . Tôi trả lời ngay : “Tôi hiện diện trong trường này là để thực thi Thỏa Ước về Văn Hóa Giáo Dục ký kết giữa nước Pháp và Quốc gia Việt Nam năm 1950 theo đó nếu Khoa Trường là một người Pháp thì phải có một Phó Khoa Trường người Việt . Khoa Trường của Phân Khoa Luật Học là ông Khérian , người Pháp, hiện điều khiển Trung Tâm Sài Gòn: như vậy tôi có trách nhiệm điều khiển trung tâm Hà Nội với tư cách Phó Khoa Trường mặc dù tôi chỉ mới dự tuyển Thạc sĩ . Ông ta dọa tôi : Anh còn dự định thi thạc sĩ nữa không ? Tôi nổi sùng trả lời : “ Je me fous pas mal de votre agrégation ! ” ( Tôi bất cần học vị thạc sĩ của các ông ! ) . Trước thái độ cứng cỏi của tôi , Ông ta đành nhượng bộ nhưng tôi cũng đề nghị là ông ta dùng chung với tôi văn phòng giám đốc cũng như chiếc công xa : tôi dùng buổi sáng , ông ta buổi chiều . Cách xử sự của tôi được ban lãnh đạo Viện Đại Học Hà Nội ( trong đó có G.s. Huard , Khoa Trường Y Khoa ) rất tán thưởng : tuy nhiên tôi không khỏi e ngại là Le Breton sẽ thuật lại vụ này cho Bộ Giáo Dục Pháp và tôi sẽ không còn hy vọng gì trúng tuyển Thạc sĩ nếu sang Pháp thi lần thứ 2 vào năm 1952 .

Mặc dù vậy , tháng 6 năm 1952 , tôi vẫn xin từ chức giám đốc Trung tâm Luật Khoa Hà Nội để sang Paris dự kỳ thi Thạc sĩ Kinh Tế Học : tôi muốn chứng tỏ rằng tôi muốn vào ngành giáo chức đại học “ bằng cửa chính”, không phải “ bằng cửa ngách” ! Ra đi một mình tôi đã định tâm nếu thi rớt , tôi sẽ bỏ nghề dạy học để ghi danh làm luật sư !

Đến đây tôi phải thẳng thắn công nhận rằng Ban Giám Khảo kỳ thi Thạc sĩ năm 1952 đã có thái độ rất “ quân tử” : trong số 7 người được tuyển tôi được xếp thứ 6 nghĩa là có quyền làm việc ở trường Đại Học Bordeaux trên đất Pháp chứ không bắt buộc phải đi Hà Nội Dĩ nhiên , không chút do dự , tôi tình nguyện đi Hà Nội . Trước khi hồi hương , tôi đích thân tới chào vị Cao Ủy của Quốc Gia Việt Nam đương nhiệm ở Pháp là Hoàng Thân Bửu Lộc . Ông này cũng là Tiến sĩ Luật . Khởi nói là ông ta rất mừng thấy tôi về nước phục vụ .

Các bạn đồng sự của tôi đồng thanh bầu tôi chính thức làm Phó Khoa Trường Phân Khoa Luật Học , phụ trách điều khiển Trung tâm Hà Nội . Đầu năm 1954 , Hoàng Thân Bửu Lộc được cử làm Thủ Tướng : ông đã mời tôi tham gia Nội các với chức vụ Bộ Trưởng Quốc Gia Giáo Dục và Thanh Niên . Ngoài tôi còn một số nhân vật từ trước vẫn ở Pháp như Giáo sư Nguyễn Quốc Định , Luật sư Nguyễn Đắc Khê ... Từ 1/1/1954 tới cuối tháng 6 /1954 , tôi nghỉ dạy học , nhưng lại hồi ngạch , ngay sau khi Nội Các Bửu Lộc từ chức .

Sau khi Hiệp định Genève ngày 20.07.1954 được ký kết , toàn thể

Viện Đại Học Hà Nội , dưới sự điều khiển của Giáo sư Y Khoa Trần Quang Đệ , di chuyển vào Sài Gòn và trả lại chính quyền Quốc Gia : Phân Khoa Luật Học được Việt hóa , điều này có nghĩa là chuyển ngữ chính thức là tiếng Việt và chương trình giảng huấn phải thay đổi cho phù hợp với các mục tiêu của quốc gia Việt Nam . Các môn kinh tế tài chính vì có tính cách quốc tế nên không phải đổi nhiều : như vậy tinh thần cũng như nội dung có thể duy trì nguyên vẹn .

Tôi chưa kịp dạy học trở lại thì được Tân Thủ Tướng Ngô Đình Diệm cử tham gia phái đoàn Việt Nam sang Paris họp Hội Nghị Tứ Phương ( Pháp , Việt , Miên , Lào ) nhằm thanh toán các định chế chung của Liên Hiệp Đông Dương cũ như : Viện Phát hành ( đồng bạc Đ.D ) , Viện Hối Đoái , Tổng Nha Ngân Khố , Tổng Nha Quan Thuế , Cơ Quan Quản Lý Thương Cảng Sài Gòn ... ) . Hội nghị kéo dài từ tháng 8 tới ngày 29 tháng 12/1954 mới kết thúc Chính Phủ Quốc Gia Việt Nam lấy lại chủ quyền tiền tệ và tài chánh . Về tới Sài Gòn ngày 31 tháng 12 , tôi được bổ nhiệm Phó Thống Đốc Ngân Hàng Quốc Gia để cùng ông Thống Đốc Dương Tấn Tài , ngay ngày hôm sau 1/1/1955 , lãnh nhận Viện Phát Hành và Viện Hối Đoái do Pháp chuyển giao . Tháng 7 /1955 , tôi được cử làm Thống Đốc thay ông Dương Tấn Tài để thực hiện công tác đổi toàn thể giấy bạc Đ.D đang lưu hành bằng giấy bạc của Ngân Hàng Quốc Gia Việt Nam . Đồng thời tôi đã cùng một số chuyên gia kinh tế du học ở Pháp và ở Mỹ về thiết lập Ngân Hàng Việt Nam Thương Tín ngõ hầu yểm trợ giới doanh nghiệp Việt Nam .

Một lần nữa tôi lại phải xin nghỉ giả hạn ở Viện Đại Học để đảm nhiệm các chức vụ mới . Rất may là bạn đồng sự của tôi , giáo sư Vũ Văn Mẫu , sau khi trúng tuyển Thạc sĩ ngành Tư Pháp , cuối tháng 12/1953 , đã hồi hương đảm nhiệm chức vụ Khoa Trưởng Trường Luật . Dưới sự điều khiển khéo léo của G.s. Mẫu , công việc Việt hóa trường Luật Sài Gòn đã hoàn thành mỹ mãn .

Tháng 9 năm 1956 , tôi thôi làm Thống Đốc Ngân Hàng Quốc Gia và được bổ nhiệm làm Cố Vấn cạnh Tổng Thống Ngô Đình Diệm : tôi thỉnh cầu ông Diệm coi đó chỉ là một danh hiệu để tôi có thể dành toàn thời gian vào công cuộc dạy học . Sau khi G.s. Vũ Văn Mẫu được bổ nhiệm Bộ Trưởng Ngoại Giao ( 1957 ) tôi được anh em đồng sự bầu làm Khoa Trưởng trường Luật Sài Gòn và giữ chức vụ này tới ngày 1/11/1963 . Sau ngày này tôi tiếp tục dạy học ở Trường Luật và còn nhận làm giảng viên ở Học Viện Quốc Gia Hành Chánh cũng như ở Trường Chính Trị Kinh Doanh Đà Lạt . Ngay sau khi được bổ nhiệm làm Trưởng Nhóm Nghiên Cứu Kế Hoạch Hậu Chiến (1967 ) rồi làm Quốc Vụ Khanh ( 1968 - 1971 ) tôi vẫn không ngừng giảng dạy vì tôi luôn luôn coi đó chỉ là những công tác nhất thời .

Duyên nợ của tôi với trường Luật Sài Gòn chỉ thực sự chấm dứt vào tháng 5 năm 1975 . Tôi còn nhớ mãi cái ngày “ trời đẹp lên cao’ ấy ! Sài Gòn mới thất thủ :chế độ Việt Nam Cộng Hoà không còn nữa . Trường Luật Sài Gòn sửa soạn đổi thành Trường Kinh Tế cho phù hợp với chế độ mới . Thủ Trưởng nhà trường là một người miền Bắc hình như đã từng du học ở Pháp . Anh ta mời tôi tới văn phòng , báo cho tôi biết rằng tôi không còn làm việc nữa và đưa cho tôi một bao thư , nói là tiền bồi thường . Trong bao thư có một số tiền tương đương với 2 tháng lương của tôi . Tôi chợt nhớ lại câu thơ của Thế Lữ cảm đề tiểu thuyết Đoạn Tuyệt :

*Anh đi đường anh , tôi đường tôi :*

*Tình nghĩa đôi ta có thể thôi !*

trích ở câu thơ :

« Hôm nay trời đẹp lên cao :

« Tôi buồn không hiểu vì sao tôi buồn ! ./.

Ba Lê , một ngày quý đông năm Ất Dậu 2006

**VŨ QUỐC THỨC**



# ĐÔI DÒNG HOÀI NIỆM



**Gs. VŨ QUỐC THÚC**

*Cựu Khoa Trưởng Trường Luật Hà Nội và Trường Luật Sài Gòn*

*Lời BBT: Thể theo yêu cầu của BBT, Gs. Vũ Quốc Thúc đã viết thêm cho “Kỷ Yếu Đại Học Luật Khoa Sài Gòn “Đôi Dòng Hoài Niệm”. Ban Biên Tập chân thành cảm ơn Gs Vũ Quốc Thúc, dù năm nay đã 94 tuổi thọ, trí óc vẫn minh mẫn đã luôn đáp ứng mọi thỉnh cầu của BBT. Chúng tôi trân trọng gửi thêm đến quý độc giả Đôi Dòng Hoài Niệm” dưới đây.*

**H**ồi tưởng sự thiết lập và những biến chuyển của các Trường Đại Học Luật Khoa Hà Nội ( cũ ) và Sài Gòn ( cũ ) , ta không thể không thắc mắc về một số điểm : đó là những vấn nạn chỉ có thể lý giải khi ta đặt lại hai định chế ấy trong khung cảnh lịch sử của nước Việt Nam từ ngày bị Pháp bảo hộ (1884) tới mùa hè 1975 , sau khi hai miền Nam Bắc Việt Nam

tái hợp nhất

## **Vấn nạn 1: Thời điểm thiết lập ngành đại học luật khoa ở Việt Nam**

Pháp chiếm Nam Kỳ làm thuộc địa từ thập niên 1860, áp đặt nền bảo hộ trên Trung Kỳ và Bắc Kỳ từ năm 1884 rồi biến dần nền bảo hộ này thành một chế độ trực trị của chính quyền Pháp với việc thiết lập Liên Hiệp Đông Dương năm 1887. Tuy nhiên ngành Đại học luật khoa chỉ được cho ra đời ở Hà Nội vào khoảng giữa thập niên 1930: tại sao vậy?

Lý do: Khoa Luật học, ở cấp đại học không nhằm tuyển lựa và huấn luyện theo một chương trình – do Chính quyền ấn định trước – những cán sự sẽ phục vụ trong các ngành hành chính, tư pháp, lập pháp. Công việc này thường được ủy nhiệm cho những trường cao đẳng chuyên môn bị Chính quyền, nhân danh Nhà Nước, kiểm soát chặt chẽ hay ít nhiều lỏng lẻo. Mục đích của các đại học luật khoa, trái lại, là giảng dạy những kiến thức được coi là sâu rộng về luật lệ nước mình cũng như trên bình diện quốc tế, luyện tập sinh viên phân tích một cách khúc triết, kỹ càng những văn kiện pháp lý (thí dụ các đạo luật, nghị định, quyết nghị, các bản án, các khế ước v.v.), luyện tập họ tranh luận, cân nhắc các quan điểm, các chứng cứ để khi hữu sự có thể biện hộ hay xét xử... Qua các kỳ thi định kỳ trong mỗi niên khóa và lúc tốt nghiệp, trường đại học luật khoa cấp cho sinh viên những học vị như cử nhân, tiến sĩ v.v.. Đó chỉ là những chứng chỉ giúp cho các đương sự sau này kiếm một công việc như: công chức Nhà Nước, thẩm phán, luật sư, chương khế v.v.. hoặc để hưởng nhân dãi dài vì vô công dỗi nghề!

Những người đã theo học hoặc tốt nghiệp đại học luật khoa là những kẻ tự do, không bị ràng buộc với chính quyền ngay từ lúc ghi danh nhập học, do đó rất dễ có xu hướng tìm tòi rồi công khai vạch trần, phê bình, chỉ trích... những khuyết điểm hay sai trái trong tình trạng xã hội đương thời. Khởi cần chứng minh: đó là một điều mà nhà cầm quyền thuộc địa ở Đông Pháp nói chung và ba Kỳ Việt Nam nói riêng không chấp nhận. Vì vậy, cho tới thập niên 1930, ở Hà Nội chỉ có một Trường Cao Đẳng Pháp Chính để đào luyện một số sinh viên được tuyển lựa kỹ càng. Khi mãn khóa những người này được bổ nhiệm Tham Tá để sau đó bổ nhiệm Tri Huyện nghĩa là gia nhập ngạch quan lại Việt Nam.

Tại sao vào giữa thập niên 1930, nhà cầm quyền Pháp đã cho phép mở một Trường Đại Học Luật Khoa ở Hà Nội? Chúng ta cần nhớ lại hoàn cảnh lịch sử ở nước nhà vào hồi ấy: Để đối phó với làn sóng khởi nghĩa đang dâng lên ở một số địa phương (Yên Bái, Nghệ An, Hà Tĩnh

v.v.) , nhà cầm quyền thuộc địa áp dụng chính sách cổ hữu của họ : một mặt đàn áp tàn nhẫn các tổ chức chính trị hoạt động bí mật , mặt khác tìm cách xoa dịu sự bất mãn của tầng lớp thanh niên đang bị nạn thất nghiệp đe dọa . Cái tổ ngành Đại Học theo kiểu mẫu các trường Đại Học ở chính quốc là mở một đường tiến thân mới cho những thanh niên đã đậu Tú tài , nhưng không thể hay không được phép xuất dương du học . Những người này không muốn hoặc không được chấp nhận vào trường Cao đẳng Pháp Chính hiện hữu . Khuyến khích họ học thêm 3 , 4 năm , có khi lâu hơn nữa để được học vị Cử Nhân Luật ... Rồi phải tự mình tìm cách sinh sống chứ không được đương nhiên bổ nhiệm vào ngạch quan lại như sinh viên cao đẳng trước đó . Đó là một cách giải quyết vấn đề trí thức thất nghiệp đang được báo chí thảo luận sôi nổi .

Ngoài lý do vừa rồi , có lẽ phải kể thêm một lý do thứ hai , rất quan trọng ở Nam Kỳ . Đó là việc Mặt Trận Bình Dân chiếm được đa số trong các cuộc tuyển cử và năm 1936 đã nắm được chính quyền ở Pháp . Thanh thế của các tổ chức chính trị tả phái hay khuynh tả ở Nam Kỳ - trong đó có cả các công dân lẫn thuộc dân Pháp - dĩ nhiên tăng cao . Mở đại học Luật Khoa tại Hà Nội , thủ đô của Đông Dương là một điều mà Phủ Toàn Quyền Pháp không thể tránh né được nữa , mặc dù biết trước đó là một con dao hai lưỡi . Những kẻ cầm quyền chỉ còn cách bắt buộc Trường Luật Hà Nội phải chịu sự giám hộ của Trường Luật Khoa Đại Học Paris . Chính vì vậy mà hàng năm Trường Luật Paris đã cử một giáo sư sang Hà Nội chủ tọa Ban Giám Khảo kỳ thi tốt niên .

Khi cuộc Thế Chiến II bùng nổ , hầu hết các giáo sư trường Luật Hà Nội – dĩ nhiên đều là dân Pháp chính cống – đã bị trưng dụng để tiếp tục công việc giảng dạy . Nhờ có nhiều thời giờ và có lẽ cũng muốn chứng tỏ cố gắng khảo cứu của mình , các vị này đã thiết lập thêm 2 ban Cao Học ( Tư Pháp và Kinh Tế Chính Trị để những người tốt nghiệp có thể tiếp tục soạn thảo Luận Án lấy Học vị Tiến Sĩ Luật ) ; đồng thời lập thêm một ban Luật Đông Dương với sự cộng tác của một số Thẩm phán Cao Cấp của Tòa Thượng Thẩm Hà Nội . Như vậy , hoàn cảnh chiến tranh đã khiến cho Trường Luật Hà Nội phát triển bất ngờ có thể ngang tầm với các trường Luật hiện có trên Chính quốc Pháp .

## **Vấn nạn 2 : Ảnh hưởng của thời cuộc từ 1945 đến 1954 đối với trường Luật Hà Nội**

Cho tới đầu năm 1945 , trường Luật Hà Nội vẫn có thể giảng dạy đều đặn trên cơ sở pháp lý của Bản Thỏa Hiệp Nguyên Tắc ký kết ngày 30-8-1941 ở Tokyo giữa ngoại trưởng Nhật Matsuoka và đại sứ Pháp Arsène Henry . Cuộc đảo Chính ngày 9-3-1945 khiến cho Trường Luật Hà Nội

phải ngưng hoạt động - theo nguyên tắc là vô thời hạn vì toàn thể giáo sư đã bị Nhật bắt giữ . Và chẳng cũng không ai tiên đoán được thể chế chính trị tương lai của Đông Dương nói chung và Việt Nam nói riêng sẽ ra sao .

Mùa thu năm 1948 , trường Luật được mở cửa trở lại . Lý do : Pháp tin rằng có thể phục hồi quyền lực của mình sau khi biến đổi ba nước Việt Nam , Campuchia và Lào thành ba nước độc lập liên kết với Pháp Quốc trong khung Liên Hiệp Pháp . Tuy nhiên cuộc chiến vẫn tiếp tục giữa Việt Minh và Đoàn quân viễn chinh Pháp . Đồng bằng sông Hồng là tiền tuyến : khỏi nói là những giáo sư người Pháp cũng như nhiều sinh viên gốc Nam Kỳ và Nam Trung Kỳ cũng e ngại không muốn hiện diện suốt niên học ở Hà Nội . Có lẽ nguyên nhân thực tiễn này đã đưa tới sự thiết lập thêm một trung tâm đại học Luật khoa ở Sài Gòn và cả hai trung tâm Hà Nội và Sài Gòn coi như chung một khoa với một Khoa trưởng , một Phó Khoa trưởng và các giáo sư luân phiên giảng dạy ở hai nơi . Tình trạng này đương nhiên chấm dứt với Thỏa Hiệp Genève 20-7-1954 chia Việt Nam - trong thực tế - thành 2 nước riêng biệt . Trường luật Hà Nội từ thời điểm này hội nhập trường Luật Sài Gòn để Việt hóa hoàn toàn , không còn chịu sự giám hộ của Trường Đại Học Luật Khoa Paris nữa .

Trong thời kỳ từ 1954 đến 1975 có thêm hai trường đại học Luật khoa mới được thiết lập ở Huế và ở Cần Thơ . Sau biến cố 30-4-1975 , tất cả các trường luật đều bị bãi bỏ .

Nhưng nhà đương quyền có thể giải thể một cơ quan giáo dục đại học , bãi nhiệm các giáo sư đang phục vụ , cưỡng bách sinh viên đang học dở dang phải chuyển ngành học , hay tệ hơn nữa là bỏ học để thi hành nghĩa vụ quân sự ... nhưng làm sao dập tắt được tinh thần pháp trị đã phát triển và lan tràn trong tâm khảm của những người được đào luyện trong nhiều năm liền ở các trường Luật Việt Nam ? Những gì đang xảy ra ở nước ta chứng minh tính bất diệt của yếu tố tinh thần này./.

Paris tháng 7 năm 2014

**VŨ QUỐC THÚC**



*Gs. Nguyễn Văn Canh gặp Gs Vũ Quốc Thúc tại Paris năm 2006 (Hình do Gs Canh cung cấp)*



*Gs Vũ Quốc Thúc chụp hình lưu niệm với CSVLK Nguyễn Văn Quát, Phó Chủ tịch Nội Vụ Câu Lạc Bộ Luật Khoa Việt Nam, khi anh đến thăm và thu hình đôi điều Thầy nói với các cựu sinh viên tham dự Hội Ngộ Toàn Cầu Cựu Sinh Viên Luật Khoa Sài Gòn vào ngày 2-5-2015 (Hình chụp Tháng 10-2014)*

# NHỚ VỀ TRƯỜNG LUẬT



**CÔ GIÁO SƯ NGUYỄN CAO HÁCH**  
NGUYÊN KHOA TRƯỞNG ĐẠI HỌC LUẬT KHOA SÀI GÒN

## Lời BBT.

*Bài hồi ức này có Gs Nguyễn Cao Hách lúc sinh tiền đã viết và cho đăng vào Đặc san Luật khoa năm 2003 do Câu Lạc Bộ Luật Khoa ấn hành. Nay chúng tôi cho đăng lại để tưởng niệm một vị Thầy của những người Thầy khâm kính của Trường Luật Sài Gòn*

Đã gần ba chục năm rồi. Thời gian đi mau quá. Nhưng tâm địa xót xa của người ra đi thì không bao giờ phai lạt được.

Đành rằng ngôi nhà trường quá cũ kỹ. Nhưng càng cũ bao nhiêu, nó càng để lại những vết sâu xa trong lòng những người đã phải bắt đầu dĩ chia tay.

Chúng ta cùng chung sống trong ngôi nhà cũ nát đó bao lâu các bạn còn nhớ không? Đúng 20 năm. Trường Luật Hà Nội di chuyển vào Sài Gòn năm 1955. Tới năm 1975 thì chúng ta phải chia tay.



## NIÊN - KHÓA 66 - 67

Đó là một lớp nhà cũ nát, trước kia làm trụ sở cho một trường mẫu giáo. Sau Hiệp Định Geneve 1954, các em nhỏ rút lui để nhường chỗ cho các đàn anh.

Quyết định đầu tiên là chúng ta quyết thôi giảng dạy bằng tiếng Pháp. Đối với một nước Việt Nam độc lập, bổn phận đương nhiên của chúng ta là phải xây dựng, trau dồi, bồi đắp và phong phú hóa tiếng mẹ đẻ. Vì thế nên mọi cuộc trình bày và thảo luận đều bằng tiếng Việt.

Về tinh thần của các buổi thuyết trình và thảo luận, chúng ta vẫn giữ mục tiêu là góp phần vào việc xây dựng quốc gia và phục vụ dân tộc.

Chính vì thế nên các vấn đề phục vụ và phát triển nước Việt Nam tôn kính được đặt lên hàng đầu.

Ngày nay vì hoàn cảnh thay đổi, mộng lớn đó không thể tiếp tục và các bạn hữu thân yêu đã phải phân tán mỗi người một phương.

Nhưng không phải vì phân tán nên chúng ta quên Trường, quên Nước. Lòng tôn kính nước Việt và chủ trương phục vụ dân tộc vẫn canh cánh bên lòng, chỉ chờ cơ hội thuận tiện để quyết dâng hiến tài trí.

Tôi thiết tha mong tin các bạn..../.

**Gs Nguyễn Cao Hách**

*(Trích Đặc san Luật khoa 2003*

*Phát hành Tháng 3 năm 2003 tại Houston, Texas, Hoa Kỳ)*

NHỮNG MẪU CHUYỆN VUI VỀ  
**HAI KỲ THI CAO HỌC CÔNG PHÁP**  
NIÊN HỌC 1965-1966



**Gs. NGUYỄN VĂN CANH**

*Tiến sĩ công pháp Đại học Luật khoa Sài Gòn. Nguyên Phụ Tá Khoa Trưởng (1973-1975)*

*Nguyên là học giả nghiên cứu viện Hoover , Đại học Stanford California, Hoa Kỳ*

*(Xin đọc thêm tiểu sử Gs Canh trong bài “Tri ân và vinh danh Ban Giảng Huấn” đăng trong Phần I của Kỷ Yếu này)*

Tôi không biết số sinh viên ghi danh học là bao nhiêu. Tuy nhiên, tôi thấy chỉ có 6 người có tên sau đây là theo ‘cours’ nghĩa là có đến dự lớp học (dù có người đi học không đều). Đó là các anh Lê kim Ngân, Nguyễn huy Hân, Đỗ thiếu Liệt, Nguyễn hữu Đang (về sau tôi không biết tin), chị Nguyễn thị Ngọc Dung và tôi (1).

Về kỳ thi Viết Khoa I, chỉ có anh Đỗ thiếu Liệt vắng mặt. Tất cả đều được vào Vắn Đáp. Các giám khảo thông báo ngày giờ và địa điểm (phòng học), để thí sinh biết trước. Họ sẽ đến để được khảo hạch.

### **Kỳ thi Khoa I: Cả nhóm bị mắng vì học “dốt.”**

Lần lượt mỗi thí sinh vào thi vắn đáp với từng Giáo sư giám khảo. Riêng môn Luật Hiến Pháp, Giáo sư phụ trách có cách khảo hạch riêng: tất cả mọi sinh viên vào thi cùng một lúc tại một giảng đường. Giáo sư chỉ định 5 người chúng tôi, mỗi người một bàn, rồi được phát một mảnh giấy trắng. Đó là  $\frac{1}{4}$  tờ giấy khổ lớn ( $\frac{1}{4}$  tương đương với khổ 8.5 x 11.5 của Mỹ) mà Giáo sư xé ra từ tờ giấy của trường để phát cho thí sinh dùng trong kỳ thi viết. Sau khi thí sinh ngồi vào chỗ được chỉ định, Giáo sư nghiêm nghị nói to: “Ecrivez: Représentation proportionnelle”. “20 minutes, seulement.” Giáo sư rất tiết kiệm về lời nói.

Như vậy đề tài Giáo sư sát hạch chúng tôi là Đại Diện Tỷ Lệ và chúng tôi chỉ có 20 phút để viết, rồi nộp bài. Không có vắn đáp. Đề tài này thuộc Phần Luật Hiến Pháp Tổng Quát mà chúng tôi đã học ở cours Luật Hiến Pháp, thuộc Ban Cử Nhân I. Tất cả các sinh viên như chúng tôi đã học cours này từ lâu lắm rồi. Tôi chỉ nhớ mang máng là trong một quốc gia, có nhiều đảng phái hoạt động như Đảng A, Đảng B, Đảng C (chế độ đa đảng) v.v. thì kết quả phiếu bầu của toàn thể cuộc tổng tuyển cử sẽ được cộng lại và sử dụng chia ghế cho mỗi đảng. Theo qui tắc đó mỗi đảng có một số đại diện tương ứng trong quốc hội.... Căn cứ vào đó tôi viết loạn lên hay gọi là ‘lang bang’. Hết 20 phút, Giáo sư ra lệnh nộp bài.

Khi ra sân, chúng tôi hỏi nhau. Không ai trong số chúng tôi chắc là trả lời được tốt. Đang lúc bực bội vì “bí”, Giáo sư đi ở trong phòng ra, đến gần chỗ chúng tôi đứng ở sân trường, mắng nhiều lời (lúc này Giáo sư lại không tiếc lời), đại ý là “Các anh chị học lên tới cấp Tiến Sĩ, và khi ra đường, người ta hỏi đại diện tỷ lệ là gì, mà không trả lời được.... Trường Luật này không phải là viện phát hành giấy bạc.... Học tới mức này là để thêm hương và hoa, thì phải có hiểu biết đầy đủ..... Viết dài dòng, lồi thối, lạc đề.....” Nói xong, Giáo sư bỏ đi.

Cá nhân, tôi tưởng dù bị phê phán như vậy, cũng có hi vọng đậu, nghĩ rằng câu trả lời có chút ít đúng, và sẽ không bị điểm loại. Bài thi viết đã được biết là 13/20 (có niêm yết trên bảng). Còn các bài vắn đáp khác, thì tôi biết chắc là thông suốt. Tôi giả thử rằng dù nếu Giáo sư môn Hiến Pháp cấp cho hai quả trứng làm kỷ niệm, tôi chỉ cần 7 điểm dư của 4 môn còn lại, vẫn đủ trung bình điểm toàn thể là 10/20. Môn chính là Luật Hành

Chánh Thâm Cứu, thi viết được 13/20 và vấn đáp rất tốt, thường thì ít ra cũng được số điểm tương đương là 13. Như thế, tôi chỉ cần 4 điểm dư nữa của 3 môn còn lại là đủ điểm đậu dù tôi không nghĩ là tôi bị cho ăn trứng của môn Hiến Pháp ấy. Tôi nghĩ rằng trả bài như vậy cũng có hi vọng không bị điểm loại.

Cuối cùng kết quả là gì? Tất cả mọi người trong chúng tôi bị zéro về môn này, vì ‘đốt’ (2) như Giáo sư nói.

Khi xem điểm, tổng số trung bình điểm của tôi thực sự là cao hơn 10/20 nhiều dù môn Luật Hiến Pháp bị zéro.

**‘Le jury est souverain’ mà!**

## **Chuẩn bị cho Kỳ Thi Khoa II.**

Đề đối phó với cảnh phải đồng ca bản “Tôi ‘bí’, Anh ‘bí’, Tất cả chúng ta đều ‘bí’“, tôi yêu cầu các anh chị họp tại nhà tôi để chuẩn bị cho thi vấn đáp Khoa II vào tháng 9. Chúng tôi tiến tới học chung và chỉ chú tâm vào môn Luật Hiến pháp, còn các môn khác, mỗi người tự lo lấy, vì mọi người biết chắc không có trở ngại. Như trên đã trình bày, môn này có 2 phần. Phần Tổng quát và phần Thâm cứu.

Anh Lê kim Ngân rất hăng hái đề nghị nhận trình bày về Phần Tổng Quát, sử dụng cuốn Luật Hiến Pháp của GS Lê đình Chân, không sử dụng cuốn *Les Régimes Politiques* của Duverger. Các anh chị chỉ định tôi thuyết trình Phần Thâm Cứu của Giáo sư diễn giảng trong suốt niên học. Phần này được dạy bằng tiếng Pháp mà chủ đề là “Le régime parlementaire en Angleterre”.

Mỗi tuần chúng tôi họp một lần vào cuối tuần. Ngoài nhóm học này, tôi có thuyết phục anh Đỗ thiếu Liệt thi khoa II, và tôi cung cấp tài liệu và học chung để anh ấy tham dự thi viết. Anh ấy họp với tôi thường xuyên để chuẩn bị cho kỳ thi này. Về khoa II này, nếu tôi không lầm thì anh Liệt là thí sinh duy nhất dự kỳ thi viết mà thôi. Kết quả anh ấy đậu. Như vậy, nhóm của chúng tôi nay gồm 5 người vào Vấn Đáp khóa II.

Đến ngày giờ chỉ định, chúng tôi có mặt tại phòng đã được loan báo. Lúc này, không có mặt chị Ngọc Dung, vì chị đang bị một Giáo sư khác ‘quay’ tại một phòng bên cạnh. Cũng như lần trước, Giáo sư lại chỉ định cho mỗi người chúng tôi ngồi một chỗ trong phòng, cách xa nhau và Giáo sư cũng phát một mảnh giấy cho mỗi thí sinh như lần trước. Xong, Giáo sư

tuyên bố “Ecrivez: [La] Procédure de Nomination du Premier Ministre En Angleterre”. Question unique, 20 minutes, seulement! Như vậy, lần này Giáo sư rộng lượng hơn, nói thêm 2 chữ: Question unique. Chúng tôi hiểu là viết xong thì được về, không có gì thêm nữa, cũng sẽ không phải bị sát hạch bằng Vấn Đáp.

Đề thi này nằm trong phần diễn giảng của Giáo sư, nghĩa là Phần Thâm Cứu. Cả niên học chúng tôi học về Chế độ Đại Nghị tại Anh. Đây là môn mà tôi là thuyết trình viên cho các anh chị trong nhóm (ngoại trừ anh Đỗ thiếu Liệt.)

Sau khi Giáo sư tuyên bố đề thi, tôi chắc rằng tất cả mọi người trong chúng tôi không một ai có sai sót dù một chút nhỏ khi trả lời câu hỏi ấy. Với một đề tài như vậy, và rút kinh nghiệm từ khoá thi I, khi Giáo sư phê phán chúng tôi lúc ở sân trường về trả lời câu hỏi Đại Diện Tỷ Lệ trên là phải ngắn gọn, chính xác về chi tiết, cấm chỉ tuyệt đối ‘lang bang’, viết nửa trang giấy là được, tôi thấy chỉ cần 5 phút là đủ để trả bài xong.

### **“A! Thi Vấn Đáp Nữa”.**

Viết xong, tôi nộp bài ngay, trong khi đó các thí sinh khác, còn ngồi tại chỗ. Tôi chuẩn bị sắp sách vở để đi ra ngoài, tôi thấy Giáo sư đọc bài của tôi. Giáo sư lật lại trang giấy lần 2, và tôi không thấy Giáo sư nói một tiếng nào, vào lúc này, tôi bắt đầu đi ra. Đến đây, Giáo sư nói bằng tiếng Việt: “À, anh ở lại đây. Vấn đáp nữa!”. Tôi nghĩ trong bụng và tự nhủ: “Vấn đáp nữa cũng được. Có gì mà ngại, vì hành trang đã đầy đủ.”

### **Cả nhóm lại bị “Bí” lần II**

Tôi trở về chỗ cũ ngồi chờ. Đến khi mọi người nộp “quyển” xong, Giáo sư kêu mọi người ngồi quanh trước mặt, và cho mỗi người một câu hỏi. Tôi không còn nhớ rõ chi tiết liên hệ về các câu hỏi của các anh khác. Tôi chỉ nhớ rằng Giáo sư bảo tôi nhắc lại một câu nói của một tác giả là Pierre Cot, một tác giả nhỏ, phát biểu về chế độ đại nghị (thì phải). Ngay rồi, tôi đâu có học thuộc lòng cả quyển sách của Duverger, nên không nhớ tác giả này nói gì. Tôi nghĩ bụng: “Trời ơi! Cái ông Cot này nói gì mà Giáo sư bắt tôi phải nhắc lại.” Tôi trả lời rằng “tôi có biết tác giả này, trong Duverger có nói, nhưng không nhớ ông ta nói gì.” Phải chi Giáo sư tóm lược về ý câu nói của ông Cot hay diễn tả quan điểm của ông Cot về chế độ đại nghị, rồi bảo tôi phê bình, thì tôi đâu có ngán ông Cot. Thế là “Bí” rồi! lại “Tịt Ngòi!”.

Tôi ngồi im và tức giận! Đến anh Nguyễn Huy Hân, câu hỏi về ‘impeachment’. Anh Hân cũng bí. Rồi đến lượt anh Lê kim Ngân, tôi không nhớ về câu hỏi, nhưng biết là anh ấy cũng không trả lời được câu hỏi. Anh ấy rất khôn ngoan, nói với Giáo sư cho anh ấy được trả lời câu hỏi của anh Hân. Giáo sư trừng mắt nói rằng “tôi hỏi anh cái gì anh trả lời cái đó. Anh không được xin đổi.” Đến anh Đỗ thiếu Liệt, Giáo sư chỉ 2 cuốn sách để trước mặt Giáo sư là cuốn cours Luật Hiến Pháp dày cộm của GS Lê đình Chân và cuốn sách của Duverger, hỏi “Anh chọn cuốn nào?” (ý nói là anh Liệt chọn cuốn nào, thì Giáo sư sẽ hỏi về cuốn đó). Anh Liệt trả lời: “Giáo sư hỏi cuốn nào, tôi trả lời cuốn đó.” Giáo sư dần giọng: “Anh phải chọn 1 trong 2 cuốn.” Lúc đó, Anh Liệt chỉ cuốn cours của GS Chân. Dĩ nhiên là anh Liệt cũng bí.

Ra ngoài sân, chúng tôi tức ời là tức! Vì không ai trả lời được câu hỏi “thêm”, nhưng lại ‘vụn vặt’, quá chi tiết. Anh Lê kim Ngân trách tôi rằng “sau khi nộp bài cho ‘ông ấy’ xong, sao anh không ‘chuồn’ ngay, mà còn ở lại ‘ngheh’ ông ấy làm gì, hay ngồi yên cho đến hết giờ, mới đi ra, để rồi ông ấy đổi ý”. Tôi trả lời là “Đâu có ngheh ngheh gì. Chỉ ngừng ở đó, rồi sẽ trở về nơi để tài liệu rồi đi ra ngoài, có để ý xem ông ấy có phê bình gì không.”

Còn với anh Đỗ thiếu Liệt, về sau, tôi hỏi: “ ‘trong bụng anh’, một chữ bẻ làm đôi Anh không có, và khi “ông ấy” hỏi anh về chọn cuốn sách nào, mà anh dám trả lời rất gân rằng Giáo sư hỏi cuốn nào tôi trả lời cuốn đó?” Anh Liệt nói rằng: “đằng nào tôi cũng ‘bí’, chọn cuốn nào cũng chết, thì chi bằng gân có sướng hơn không!” Anh ấy còn thêm: “Ông ấy có hành nghề Luật sư, và thỉnh thoảng vẫn gặp tôi về vấn đề biện hộ cho thân chủ của ông, nên tôi không sợ.” Anh Liệt lúc đó là niên trưởng Dự thẩm quân sự, có văn phòng ở Nha Quân Pháp, Bộ Quốc Phòng.

Như vậy, về vấn đề, Giáo sư ‘truy’ chúng tôi về Luật Hiến Pháp Tổng Quát. Riêng về phần tôi câu hỏi nằm trong cuốn Les Régimes Politiques của Duverger.

Kết quả Khoá II, năm đó, mỗi người chúng tôi chỉ được điểm 4/10 cho môn học này, nghĩa là, vừa đủ để không bị ‘barrage’, để bị loại... Như vậy, riêng với thước đo này của Giáo sư, kiến thức của tất cả chúng tôi còn kém xa mới đạt mức thang 10/20, để được điểm trung bình của môn này.

Kỳ thi này, anh Liệt bị rớt, vì tôi biết anh ấy không đủ thì giờ học tất cả các môn. Trong hơn 2 tháng hè, anh ấy chỉ chú tâm học Môn hành chánh thâm cứu để thi viết mà thôi. 4 người còn lại, chúng tôi không có gì khó khăn tiếp tục lên Cao Học II và tốt nghiệp năm kế đó.

Tôi cần nhắc lại châm ngôn: “Le Jury Est Souverain” để kết thúc câu chuyện vui vui này và kể lại về chặng đường tôi đã trải qua như một sinh viên trường Luật Sài Gòn: hầu như ‘thụ đắc kiến thức’ cần có để mong đóng góp phần tốt đẹp hơn trong nhiệm vụ phát huy nền dân chủ pháp trị của xã hội Việt nam mến yêu mà tôi sống trong đó.

Cá nhân tôi, tôi nghĩ rằng châm ngôn này đã giúp tôi có được nhiều hiểu biết rộng hơn vì đã phải phấn đấu nhiều hơn. Muốn thành công, phải quyết tâm vượt qua cái “rào cản” này, dù nó là gì. Tôi rất hạnh diện là sinh viên trường Luật, Sài Gòn, ở nơi đây tôi đã được tôi luyện nhiều và cũng chỉ ở nơi đây mà thôi, (3) tôi được trang bị nhiều kiến thức trải rộng quý báu, nhưng cần thiết phải có làm hành trang sơ khởi để đối phó cả với các vấn đề có qui mô lớn hơn. Chính nhờ các kiến thức này làm căn bản, tôi hình thành được các suy tư đứng đắn khi tôi làm việc cùng với các đồng nghiệp ‘sùng sỏ’ tại viện Nghiên Cứu Hoover về Chiến Tranh Cách Mạng và Hoà Bình, Đại học Stanford. Và qua hơn một thập niên rưỡi sinh hoạt với ‘học giới’ (academics) xứ này, tôi thấy rằng trường Luật Sài Gòn của tôi đâu có thua gì các trường danh tiếng của Hoa Kỳ. Vì vậy, mỗi khi được mời đi phát biểu ở tại một diễn đàn ở xứ này hay ở các nơi khác trên thế giới, tôi đều tìm cách xen vào một chi tiết “Tôi tốt nghiệp tại trường Đại Học Luật Sài Gòn, trước năm 1975” (4)

-----

(1) Anh Lê Kim Ngân, về sau làm Viện Trưởng, Đại Học Phương Nam, cư trú ở Toronto, Canada; Anh Nguyễn huy Hân, làm Tổng Giám Đốc, Tổng Nha Thuế Vụ, ở Pontiac, MI; Anh Đỗ thiếu Liệt, Sứ Thần, Toà Đại sứ VNCH, tại Londres, có kiêm nhiệm chức Đại Lý Sự Vụ (trưởng nhiệm sở ngoại giao) tại một quốc gia Phi Châu, và là Đại sứ..... ‘hụt’, vì mất nước, ở Fremont, CA; Chị Nguyễn thị Ngọc Dung, Giáo sư Học Viện Quốc Gia Hành Chánh, cùng với phu quân, LS Trần thiện Hải, ở Fullerton, CA.

(2) Về sau tôi nghĩ lại rằng vào lúc đó, tôi thật là sai lầm, khi phân tích như trên, vì suy nghĩ theo lối có lợi cho mình (wishful thinking): dựa vào những gì không đúng trong bài viết, để biện luận có lợi cho mình. Rồi khi sự thực phơi bày, tôi lại đổ lỗi cho Giám khảo có quyền quá lớn, để dấu cái sai của mình. Qui luật (hay người bình thường nói là luật chơi) đã có sẵn: 1) trả bài (tốt) được, thì được điểm (tốt), gọi là điểm dương (điểm trên zero, ký hiệu là +). 2) Không trả bài được, thì không được điểm (nghĩa

là zéro). 3) Trả bài sai, thì bị điểm trừ hay là điểm âm (điểm dưới zero, ký hiệu là -). Trường hợp của tôi, giám khảo cho zéro thực ra là ân huệ rồi, thay vì phải bị điểm âm mới công bằng. Và cũng còn ân huệ khác là không công bố điểm ‘xấu’ ấy cho mọi người biết, vì bảng kết quả cuối cùng chỉ ghi là Rớt Vắn Đáp.

Về sau khi tôi phụ trách các khoá thi ở trường Luật Sài Gòn, tôi cho áp dụng nghiêm ngặt ‘luật chơi’ này chỉ đối với những thí sinh gian lận bị bắt: zéros (đánh rớt) và cho công bố tên tuổi thí sinh ấy trên một Bảng riêng (có khung kính) mà tôi đã nhờ văn phòng hành chánh thiết lập sẵn và treo ở hành lang tầng dưới của trường. Trong một phiên họp Hội Đồng Khoa, GS Vũ văn Mẫu gọi đùa rằng đây là ‘Bảng Hổ’. Tôi nhớ sinh viên gian lận thường bị cấm thi trong một thời hạn nào đó như qui định. Ngoài ra, sinh viên nào được ‘hoãn dịch’ để đi học, mà bị bắt gian lận, tôi cho thông báo cho Bộ Quốc Phòng biết, để kẻ gian lận sẽ được Quân Đội rèn luyện, với hi vọng trở thành công dân tốt của thể chế mà VNCH theo đuổi.

Tóm lại, tôi được hai zéros là một ân huệ rồi (không bị điểm âm) mà tôi không biết và còn than phiền, đổ lỗi cho Giám khảo có quyền quá lớn (le jury est souverain) để ‘chạy tội.’

Nước loạn là vì vậy!

Như tôi đã nói ở trên, tôi được phép ‘lang bang’, nên tôi nói thêm dù vẫn chỉ trong phạm vi đề mục Trường Luật Sài Gòn, nhưng ở trong phần chú thích này: Tinh thần mà tôi trình bày ở trên là một trong nhiều thành tố quan trọng trong kế hoạch của tôi để thực hiện chương trình chấn chỉnh lại trường Luật Sài Gòn. Vào thời gian từ 1970 trở đi, trường Luật đã dần dần để lộ rõ nhiều khó khăn đến mức gần khủng hoảng, bắt buộc phải giải quyết, như cố Khoa Trưởng Nguyễn Cao Hách vào một buổi chiều tháng 10, 1972 ghé vào văn phòng tôi ở trường, trong lúc tôi đang giữ chùa “thi cử”, nói với tôi: “.... ‘ou bien’ trường ‘collapse’, ‘ou bien’ phải giữ lấy. Cần phải giữ lấy. Anh là thế hệ trẻ có khả năng phải lo việc này. Chúng tôi già rồi. Không làm được....”. Như trên tôi đã nói, mỗi niên học có 2 khoá thi. Niên học 1971-1972, Trường không có khả năng tổ chức khoá 2. Khoá I được tổ chức từ tháng 6 và đến mãi hết năm 1972, vẫn chưa hoàn tất hẳn. Vì vậy, trường đành tuyên bố là “khoá đặc biệt và duy nhất” dù không có biến cố trọng đại nào ngăn cản. Đó là chưa kể biết bao khó khăn nghiêm trọng khác. Có nhiều vấn đề phải giải quyết: nào là sĩ số tăng vượt mức (về sau, niên học 1974-1975, sĩ số là 58.000), nào là những vấn đề phức tạp quá lớn về hành chánh và thi cử, nào là cần cập nhật hoá chương trình học giúp sinh viên, thực dụng hơn, theo kịp với đà tiến bộ của thế giới ...

Trong chương trình cải tổ này, có dự án thành lập Một Viện Nghiên Cứu mà mục đích là tạo dựng cơ hội cho học giới (academics) khai triển trí tuệ của họ trong các lãnh vực Khoa Học Xã Hội làm căn bản thiết lập chính sách tốt nhất cho đất nước. Về mặt cán bộ, tôi ước tính với các cải tổ một khi được hoàn tất, một thập niên sau đó, Miền Nam sẽ có cả chục ngàn trí thức trẻ tuổi tài ba, với kiến thức rộng rãi, đa năng thực dụng được tung ra xã hội để đáp ứng với nhu cầu phát triển trong nhiều lãnh vực của dân tộc trong chế độ dân chủ pháp trị....

Đã có một ít kết quả tích cực trước mắt: Chấm dứt được tình trạng thi cử kéo dài kinh niên. Thí dụ, mỗi kỳ thi phải được thực hiện trong hạn kỳ nhất định, như khoá II phải được thanh toán, dứt điểm chậm nhất là cuối tháng 10 vì niên học mới bắt đầu từ cuối tháng 9. Cảnh xáo trộn về quản trị hành chánh, và chấm dứt một số lỗi thô về thi cử ..., kể cả việc nhỏ như thí sinh xem điểm về các bài thi của họ cũng là những vấn đề phải được giải quyết....

Niên học 1974, việc thi cử đã được tổ chức và thực thi trong vòng trật tự, nghiêm chỉnh, đúng hạn kỳ dù tổng số thí sinh tất cả các cấp ghi danh dự thi khoá I là gần 15.000 trên tổng số sinh viên là khoảng 25.000. Tôi rất ngưỡng mộ các giáo sư dạy Năm I đã trả bài thi đúng lịch trình. Vì vậy, đã có tổ chức công bố kết quả thi của mỗi nhóm, mỗi ban theo đúng ngày giờ được loan báo trước và sinh viên mỗi nhóm đã tề tựu tại sân trường vào đúng giờ để nghe Khoa Trường tuyên đọc từ micro đặt trong một phòng ở trên lầu, qua loa phóng thanh cho mọi người nghe. Đến đúng giờ qui định, trước khi Khoa trường công bố kết quả, Tổng thư Ký lên micro loan báo Giáo sư Khoa trường sẽ công bố kết quả thi ngày... tháng.... năm...; nhóm..., Ban..... Ngay sau khi công bố kết quả, danh sách thí sinh dự thi, gồm cả đậu lẫn rớt, với đầy đủ từng môn, và điểm của mỗi môn, cũng như tổng số điểm được dán vào một bảng treo ở hành lang tầng trệt của trường để cho mọi thí sinh biết. Như vậy tránh được cảnh đông đảo thí sinh làm thủ tục, xếp hàng, nộp đơn xin xem điểm của mình và phải chờ đợi nhiều ngày. Đây là điều phát sinh ra tệ nạn lặt vặt cần phải chấm dứt. .... Mặt khác, nếu thí sinh thấy có điều gì thắc mắc về bài thi, có thể xin gặp tôi để giải quyết ngay, thay vì cả tháng sau mới được giải quyết. Đặc biệt là vào năm đó Trường Luật còn có thi giờ tổ chức buổi lễ long trọng cấp phát Văn Bằng Cử Nhân trong Đại Sảnh Đường. Các tân khoa, mặc áo choàng đen theo truyền thống ngành luật (áo 'toge'), xếp hàng 1, lần lượt từ các phòng học đi ra trên hành lang lầu I, theo hướng mũi tên, vòng qua trước mặt văn phòng Phụ Tá Khoa Trường (coi mũi tên đỏ dán trên cửa Văn Phòng Phụ Tá Khoa Trường trong Hình 5), rồi văn phòng Khoa Trường, rẽ vào Đại Sảnh, từng người được xướng danh, với

về mặt rạn vỡ, hãnh diện tiến đến khán đài để được GS Khoa Trưởng đích thân trao Văn Bằng trước sự chứng kiến của các Giáo sư ngồi (\*) trên 4 hàng ghế trước mặt. Đây là một buổi lễ đầu tiên duy nhất, và cũng là cuối cùng trong lịch sử của trường kể từ khi Trường Đại Học Luật Sài Gòn trở thành độc lập từ trong tay người Pháp theo một Hiệp Ước ký vào năm 1956, và đóng cửa sau khi Việt Cộng chiếm chính quyền vào năm 1975.

Kết quả trên có được là do các nỗ lực đóng góp của rất nhiều người làm việc rất vất vả từ tháng 6 đến cuối tháng 10. Trước hết, tôi phải ghi nhận và ca ngợi các Giáo sư giám khảo, nhất là Giáo sư giảng dạy năm I đã chấm các bài thi, và trả lại các bài ấy cho văn phòng tôi rất đúng hẹn. Ban Hành Chánh làm việc xuất sắc dù trường chỉ có trên dưới 20 nhân viên và đứng đầu là Tổng Thư Ký. Riêng về phần vụ ráp phách, ghi điểm của các thí sinh vào biên bản và cộng điểm được giao cho các anh em phụ khảo phụ trách, với ít vị Giáo sư như GS Nguyễn huy Chiêu thỉnh thoảng đến giúp. Việc làm của họ thật là tuyệt vời. Đặc biệt phải kể là đóng góp lớn lao, quý báu không mệt mỏi, tận tụy của GS Trần Như Tráng, một người mà tôi rất ngưỡng mộ, tin cậy, dù lúc đó Giáo sư Tráng còn đang lo công việc khác với tư cách là Phó Khoa Trưởng Phân Khoa Khoa Học Xã Hội, Đại Học Vạn Hạnh. Tất cả mọi việc được thực hiện một cách nghiêm minh (\*\*), chính xác, trong vòng trật tự trong một qui trình khép kín, cấp tốc, có kế hoạch để chấm dứt các tệ trạng thi cử ....

-----

(\*) Trong phiên họp Hội Đồng Khoa về tổng kết hai kỳ thi năm 1974, tôi loan báo sẽ cho tổ chức buổi lễ Phát Văn Bằng Cử Nhân. Có một đồng nghiệp phát biểu rằng nên mời Bộ trưởng Giáo Dục đến dự buổi lễ. Tôi có hỏi lại Bộ trưởng Giáo Dục có chấm bài cho sinh viên đậu không, và mời tới để làm gì? Tôi muốn nói là Trường Luật Sài Gòn là một cơ quan tự trị. Đề Bộ trưởng Giáo Dục đến dự là trường tự đánh mất quyền ấy của mình.

(\*\*) Nhân dịp này, tôi nghĩ cũng nên nói lên một chi tiết liên quan đến sự nghiêm minh trong trường luật. Trong niên học tôi có nghe nói là có thân nhân của 2 hai giáo sư hàng đầu của trường là sinh viên năm cuối. Trong kỳ thi năm này, tôi đã không thấy có can thiệp nào về thi cử để được chấm đậu. Ngoài môn của tôi dạy, tôi nhờ GS Trần như Tráng cho lấy các bài thi liên hệ mà giám khảo đã gửi đến và lặng lẽ xem lại bài của các giáo sư chấm, tôi thấy bài vở được chấm đậu rất xứng đáng. Tôi rất ngưỡng mộ

và kính trọng hai vị này về cách hành xử như vậy.

(3) ‘Produit local’, mà tại Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, người ta dùng những chữ rất lạ tai, chẳng giống ai: ‘hàng nội’. Tuy nhiên, tôi cũng có thụ huấn một Giáo Sư Pháp sang dạy môn Quốc Tế Công Pháp Thâm Cứu. Tôi không còn nhớ tên ông Giáo sư. Đề tài môn học là “Les Organizations Internationales” và được giảng dạy liên tục trong 8 tuần lễ. Xong, ông ấy về Pháp. Dù có Giáo sư ngoại quốc duy nhất này dạy Ban Cao Học, tôi là ‘hàng nội’ 100%, vì được sản xuất trên đất nước tôi.

(4) Vào tháng 7 năm 1975, khi tôi còn ở trong trại tị nạn “Camp Pendleton” ở Nam California, tôi có gặp 2 luật sư Hoa Kỳ, đại diện American Bar Association, đến để tìm hiểu nhu cầu và xem có giúp gì cho luật gia VN tị nạn. Họ đến trại theo lời kêu gọi của tôi gửi cho Am. Bar Assoc. trước đó về việc tái huấn luyện luật gia tị nạn. Họ hỏi về nội dung chương trình học, thời gian học, phương pháp giảng dạy, thư viện... của trường Luật. Tôi cũng đề cập đến qui trình tập sự luật sư, nội dung huấn luyện về lý thuyết và thực hành, thi ‘Final Bar Exam’....Họ hỏi tôi về một số thống kê. Tôi cho họ biết số sinh viên ghi danh năm I vào 1970, là 10.000 và sau 4 năm học, có 1415 tốt nghiệp. Hệ thống ghi danh học theo chế độ “mở”, nghĩa là sau khi có Tú Tài ai cũng có quyền ghi danh học, mà không phải thi tuyển trong chủ trương ‘phổ thông hoá’ ngành luật học trên bậc đại học. Điều này rất quan trọng để xây dựng nền dân chủ pháp trị, và đó là giá trị cao đẹp mà VNCH theo đuổi. Nhưng chế độ thanh lọc rất chặt chẽ để duy trì ‘phẩm chất’ từ dưới đi lên đến năm cuối cùng. Đến năm thứ 4 (niên học 1973-1974), còn khoảng 1.400 sinh viên thuộc các Ban Công Pháp, Tư Pháp và Kinh Tế tốt nghiệp. Trước khi ra về, một trong 2 người nói rằng: “nếu chúng tôi ở Việt nam, chúng tôi chắc không bao giờ có cơ hội hành nghề luật sư, vì.... khó quá.”/.

**Gs. NGUYỄN VĂN CANH**

# TÔI HỌC VÀ HÀNH NGHỀ CHUYÊN VIÊN KINH TẾ NHƯ THẾ NÀO ?



## Gs. PHẠM VĂN THUYẾT

**Lời BBT.:** Gs. Phạm Văn Thuyết, Cựu sinh viên Trường Luật Sài Gòn, đậu Cử nhân Luật 1957, Cao học Kinh Tế I và II, 1960, tốt nghiệp Tiến sĩ Kinh tế (MA và PhD in Economics 1967) tại Đại Học Pennsylvania .Giáo sư dạy Kinh Toán Học cho đến 1975.

Sau năm 1975 Gs Thuyết làm việc ở World Bank trong 20 năm full time (senior economist), và sau đó làm tư vấn cho WB tới mấy năm gần đây. Trong thời gian công tác cho WB ở Việt Nam và sau này Gs. Thuyết cũng thường giúp dạy bổ túc cho giáo sư ở các trường Đại học ở Hà Nội, Sài Gòn về kinh tế thị trường.

Gs. Phạm Văn Thuyết đã qua đời ngày 15-1-2015 tại Virginia, Hoa Kỳ.

Tôi muốn theo gương Giáo Sư Vũ Quốc Thúc<sup>1</sup> viết về việc tôi đã học Kinh tế, và qua năm tháng, đã lấy Kinh Tế Học làm sinh kế ra sao. Mục đích là muốn chia sẻ kinh nghiệm với các bạn trẻ muốn học và làm việc như một chuyên viên kinh tế, nhưng trên hết, tôi muốn gởi bài này đến các Giáo sư trường luật Sài Gòn, đặc biệt là Giáo Sư Vũ Quốc Thúc, như một lời tri ân vì những sự giúp đỡ chân tình trong tình sư đệ.

### **Trường Luật ngày tháng cũ.**

Trường Luật ngày tháng cũ là những ngày tháng êm đềm của tuổi 20. Nơi đó đã cho tôi nhiều kỷ niệm, và tôi đã gặp những người bạn quý mà tôi vẫn giữ liên lạc cho đến bây giờ. Đó cũng là khi tôi theo đoàn sinh viên Đại học Hà Nội di cư vào Sài Gòn để thấy Sài Gòn một khung trời rộng mở, khác với Hà Nội chật hẹp với một xã hội tiểu tư sản tù túng.

Tôi ghi danh ở trường Luật Hà Nội mùa thu năm 1954 và sau hội nghị Geneve thì trường dời vào Sài Gòn và khai giảng ở Sài Gòn vào tháng 10 năm 1954. Vì trường đại học chỉ được trao trả cho VN năm 1955 nên trường Luật năm 1954 vẫn còn Khoa trưởng là người Pháp (Gs Kherian) và một vài giáo sư người Pháp (như ông Ong Cosnard dạy Dân Luật). Số sinh viên năm ấy khoảng 30 người học trong một phòng nhỏ nhưng có bậc thang giống như amphitheatre. Nghĩ lại năm ấy, tôi mới 20 tuổi và nhớ lại một kỷ niệm lúc còn ít tuổi, ham chơi với một bạn thân và đồng học là anh Dư Văn Tâm. Chúng tôi thường ngồi cạnh nhau ở cuối lớp để tiện tán chuyện và một hôm không may giáo sư Cosnard có thói quen lâu lâu hỏi bài trong lớp, chỉ tay ngay vào tôi hỏi bài. Hoàng hồn vì không học bài, nên tôi vội nhìn lảng đi chỗ khác! May sao anh Tâm vụt đứng dậy và đồng dặc trả bài đầu ra đó! Tôi vừa ngạc nhiên vừa kính phục vì tôi cứ nghĩ anh chàng hay làm thơ này chắc cũng lười học như tôi. Và điều ngạc nhiên hơn nữa là sau khi thi đậu năm thứ nhất, anh đã bỏ học để đi dạy học tư và làm thơ. Anh Dư Văn Tâm chính là thi sĩ Thanh Tâm Tuyền, nhà thơ danh tiếng nhất ở miền Nam về thể thơ tự do và đã mất ở Minnesota cách đây bốn năm sau khi xuất bản tập thơ cuối cùng “Thơ ở đâu xa”. Chắc anh cũng mỉm cười ở bên kia thế giới khi đọc thấy những giòng hồi ức trẻ thơ này.

Tôi học kinh tế qua hai chặng đường, một ở Việt Nam (Cao học I và II) và sau đó ở Hoa Kỳ (MA và Ph.D). Cả hai chặng đường, với chương trình khác nhau, đã cho tôi những kinh nghiệm và nhận thức khác nhau, rất có ích cho công việc về sau này.

---

<sup>1</sup> Giáo sư Vũ Quốc Thúc có viết một bài nói về việc học Luật và Kinh Tế của ông ở Việt Nam và ở Pháp.

Tôi bắt đầu học Kinh Tế Học từ năm 1954 trong chương trình Cử Nhân Luật( chế độ 3 năm). Nhưng sự hiểu biết về Kinh Tế Học của tôi đến rất chậm, có lẽ chỉ sau năm thứ ba, và phần nhiều do sự tình cờ đọc một số sách ở ngoài nhà trường (thư viện phòng thông tin Mỹ và thư viện của Học Viện Hành Chánh do Mỹ viện trợ ). Chương Trình Cử Nhân thời ấy là chương trình phỏng theo chương trình bên Pháp, và sách ở Thư viện trườngng Luật cũng là sách Pháp. Các môn học về luật thì có nội dung khá cụ thể, còn phần kinh tế học, nói chung rất khó cho sinh viên nắm được nội dung ra sao, và học để làm gì.

Giáo sư đầu tiên là G.S Kherian, sau đó về Pháp khi Đại học được trao trả cho Việt Nam. Giáo sư Vũ Quốc Thúc thay thế làm Khoa Trưởng. Các sách giáo khoa của Pháp (là căn cứ cho các bài giảng) về Kinh Tế Học lúc đó là các bộ sách dày (traité) như cuốn Marchal vv. Loại sách này đưa ra cách tiếp cận (approach) kinh tế học qua lý thuyết giá trị (theorie de la valeur) trừu tượng, làm nản lòng người mới học nhập môn kinh tế học.

### **Lựa chọn ngành Kinh Tế**

Tôi bắt đầu hơi hiểu nội dung môn Kinh Tế Học lúc học Cao học và nhờ vào hai sự kiện :(1) học với các Giáo Sư Vũ Quốc Thúc, Giáo Sư Nguyễn Cao Hách và Giáo Sư Châu Tiến Khương và (2) tôi bắt đầu đọc rất nhiều sách kinh tế tiếng Anh.

Lýdo tôi chọn Cao Học Kinh Tế mà không theo Cao Học Luật vì không muốn làm Thẩm Phán hay Luật Sư. Một phần do mẹ tôi không muốn tôi làm những nghề Mẹ tôi cho là “thất đức”, thí dụ làm Thẩm Phán, nếu quyết định sai lầm sẽ bị “báo oán”, hoặc làm “Thầy cãi” nghe nói có thể “đổi trắng thay đen”. Phần khác là do những năm học Luật tôi thường đọc “Pháp Lý Tập San”, thấy rất hay nhưng đồng thời cũng nghĩ: Thôi chết! Những bản án, hay những biện minh trạng, viết công phu như thế này mà nếu không được đăng trên Tập san thì chắc sẽ nằm đầu đó dưới hầm các toà án; nói cách khác, nếu theo nghề luật thì suốt đời sẽ bỏ công soạn những tác phẩm như thế chỉ để cho vài người quan toà đọc mà thôi. Cuối cùng, tôi đã không theo những nghề Luật vừa kể khi mới ngoài hai mươi tuổi, vì thấy hình ảnh của những bạn đồng học theo nghề luật sư , “quan toa” hay làm công chức Bộ Ngoại Giao có vẻ không hấp với tánh ham chơi của tôi.

Và thế là tôi chuyển qua Kinh Tế Học với bài giảng Cao học đầu tiên của Giáo Sư Vũ Quốc Thúc về các lý thuyết phát triển kinh tế. Quả đúng là “đanh bất hư truyền”. Giáo sư Thúc, lúc đó cũng như sau này, là một Giáo sư và một chuyên gia có sự trình bày sáng sủa, rõ ràng (clair) nhất. Tôi đã

học ở Ông phong cách (sáng sửa) này, và suốt những năm làm chuyên viên tôi vẫn gắng noi theo. Một điều nữa rất đáng khâm phục là mặc dầu được đào tạo trong hệ thống Pháp nhưng ông đã nhìn xa trông rộng, và ngay từ những năm cuối thập niên 1950 Ông đã bỏ công đọc những sách cập nhật tư tưởng kinh tế bằng Anh ngữ để dạy cho bậc Cao học. Thật là đáng quý, và như thế có lẽ các bài giảng “doctorat” của Đại Học Việt Nam lúc ấy tiến bộ hơn bên Pháp, (như tôi biết ba năm sau đó, khi tôi qua Pháp xin nộp Luận án), bởi vì Giáo Sư Thúc đã dùng những sách mới nhất lúc bấy giờ về môn Phát Triển Kinh Tế (Artur Lewis, Ragnar Nurkse, Abramovitz) cho sinh viên đọc.

Các bài giảng của Giáo Sư Thúc khiến tôi bắt đầu thấy hứng thú và nghĩ có lẽ Kinh Tế Học cũng có thể là một ngành chuyên môn có ích.

Giáo Sư Nguyễn Cao Hách là người khiến tôi rất “ấn tượng”. Không phải vì cách nói, viết, sáng sửa nhưng là cái tinh thần học giả (erudition) của ông. Cũng như Giáo Sư Thúc, được đào tạo trong hệ thống Pháp, nhưng Ông đã nhìn thấy Kinh Tế Học Mới (modern economics) phần lớn do các tác giả nói tiếng Anh. Không những Ông đọc sách tiếng Anh, còn giảng bài ở bậc Cao Học bằng Anh ngữ, và dùng những sách mới nhất vào thời ấy như John Due, Richard Musgrave cho môn Tài Chánh Công, (cũng là những sách tôi dùng lại khi qua Mỹ du học sau này). Tôi vẫn nhớ lớp học môn Public Finance của Ông, chỉ có bốn hay năm sinh viên theo học, trong một căn phòng nhỏ của trường Luật năm xưa. Đó cũng là căn phòng Giáo Sư Thúc giảng bài. Chính ở căn phòng này tôi bắt đầu tìm hiểu Kinh Tế Học là gì và học nó để làm gì?

Một vị giáo sư nữa của trường Luật tôi vẫn luôn nghĩ tới và giữ liên lạc hàng năm là GS Châu Tiến Khương, dạy Droit Maritime và Economie Rurale với những bài giảng rất tiêu biểu của hai môn học này. Ông đã cho tôi niềm tự tin khi Ông đề nghị tôi đi dạy ở các đại học khác thay cho ông, khi tôi mới chỉ có bằng Cao Học I. Là người rất điềm đạm, Giáo Sư Khương thân với học trò, thể theo tinh thần đại học Pháp ông chỉ muốn coi mình là người anh lớn trong nghề (ainé) và có khi yêu cầu sinh viên đã ra trường xưng hô bằng Anh trong truyền thống này. Những năm gần đây khi trả lời thư chúc tết của tôi, ông thường trách tôi sao không nói đến những năm cùng là đồng sự với ông, lại chỉ nói đến những năm là sinh viên của ông mà thôi. Ngoài lý do tôn kính của một sinh viên đối với giáo sư cũ, âu đó cũng là cái tâm thức học trò mà chắc ai cũng muốn nhắc đến nhiều hơn là hồi ức của người đã đi làm việc, mặc dầu số năm tôi đi dạy ở Trường Luật nhiều hơn những năm đi học ở đó. Thật là ngạc nhiên, trong cái phong cách của một giáo sư đặc biệt Pháp, ít ai có thể ngờ G.S Khương

lại thường dịch nhiều thơ Đường ra quốc văn, và tôi cũng hân hạnh được ông gởi cho mấy bài.

### **Kinh tế học là gì và học để làm gì ?**

Câu trả lời chỉ rõ ràng khi tôi học Cao Học bậc hai, với sự trùng hợp của hai sự kiện (1) có hai giáo sư ngoại quốc, một là người Anh là ông Dunkerkey của Brookings Institution (sau này lại cùng làm việc với tôi ở Ngân hàng Thế Giới) và Giáo Sư người Mỹ, Frank Child, sau này là Khoa trưởng của Đại Học California ở Davis, và (2) tôi đã “khám phá” ra hai cuốn sách của Samuelson (giải nobel 1970, vừa mất năm nay, 2009): cuốn Economics, sách giáo khoa đương thời ở Mỹ, và cuốn Foundations of Economics, nguyên là luận án Ph.D của Samuelson. Cuốn Economics này, như ai cũng biết, đã là sách giáo khoa trong nhiều thập kỷ ở Mỹ cũng như ở vài chục nước trên thế giới. Thường vẫn gọi là sách “baby Samuelson” vì nó dễ đọc hơn cuốn Foundations. Khác với sách Traité của Marchal (Pháp), sách của Samuelson theo cách tiếp cận cụ thể: Ông nêu ra ba vấn đề căn bản của Kinh Tế Học là (1) sản xuất cái gì (2) sản xuất ra sao, và (3) sản xuất cho ai (phân phối lợi tức). Lý thuyết giá trị ở sách Marchal chính là căn bản của vấn đề 1, lý thuyết tiêu thụ. Và tất cả những phần chính của Kinh Tế Học Vi Mô (microeconomics) đều gồm lại trong một lý thuyết toán học là lý thuyết tối ưu hoá với cưỡng chế (optimization subject to constraints), và điều này đã được trình bày trong sách Foundations. Khi tôi đọc được hai chương trong sách Foundations (tôi không đủ trình độ toán học lúc đó để đọc hết) và hiểu được điều trên thì tôi “ngộ” ra rằng Kinh Tế Học “có thể có thật” và có một nguyên lý xuyên suốt trình bày được bằng toán học (toán vi phân), chứ không chỉ là những bài giảng bằng lời văn. Đó cũng là lý do tôi lựa ngành kinh tế định lượng khi du học ở Mỹ sau này (và có lẽ nhờ trình bày cách này trong bài làm 5 giờ để thi Cao Học II ở trường Luật, tôi đã được điểm rất cao).

### **Học ở ranh giới của kinh tế học**

Đó là những năm du học ở Mỹ (đại học Pennsylvania trong hệ thống Ivy League, có trường Wharton nhiều người biết) vào những năm sau của 1960's.

Trước đó, đã nhiều lần tôi có học bổng đi học ở Đức và Mỹ (Duke University), nhưng đã không tiện đi, vì muốn ở lại đi làm, giúp Bố Mẹ và các anh em. Đến năm 1964 tôi quyết định đi du học vì hai lý do ngoài việc chính phủ vẫn trả lương chuyên viên để tôi để lại cho Bố Mẹ. Lý do thứ nhất có hơi hướng của tinh thần thuộc địa, và là thực tế lúc ấy cũng như bây giờ : Ở Việt Nam nếu không có bằng cấp ngoại quốc thì dù giỏi

cách mấy cũng sẽ vất vả, vì luôn luôn phải chứng tỏ mình giỏi không khác những người có bằng cấp ngoại quốc. Đây cũng là kinh nghiệm cá nhân, vì trước khi du học tôi đã làm việc chung với nhóm chuyên viên học ở Pháp tập trung ở Tổng Nha Ngân Sách thời Tổng Thống Ngô Đình Diệm, và đã được đề nghị đồng hóa về ngạch Tham Vụ Chuyên môn dành cho chuyên viên du học về nước, nếu tôi ở lại tiếp tục làm việc (Tôi đã từ chối đề nghị này và bỏ đi du học).

Lý do thứ hai : Vị Giáo Sư Mỹ (Robert Johnson) thuộc Brookings Institution ở Vietnam mà Giáo Sư Thúc uỷ quyền để trông coi việc làm luận án Tiến Sĩ của tôi, đã thúc đẩy tôi phải đi Mỹ làm cho xong. Ở Việt Nam ông không thể hoàn tất trách nhiệm giúp tôi, vì tôi ham chơi, kéo dài việc làm luận án. Và thế là tôi khăn gói lên đường, qua học bổng của Ford Foundation.

Trước khi đi, tôi đến chào Giáo sư Thúc, Ông có vẻ hơi giận vì tôi đã không nghe lời Ông đi Pháp mà đi Mỹ. Ông muốn tôi đi Pháp nộp luận án, rồi sẽ thu xếp giúp tôi thi aggregation (thạc sĩ) như Ông , vì cấp bằng này đối với Việt Nam thì danh giá hơn Ph.D của Mỹ, và quyền lợi giáo chức cũng nhiều hơn, do chế độ đẳng trật ở đại học vẫn phỏng theo quy chế của Pháp. Thực là chí tình. Trong tình sư đệ cổ truyền, Ông không những giúp tôi về mở mang kiến thức, còn lo đến cả tương lai đời sống của tôi. Băn khoăn trong ý nghĩ này, trên đường qua Mỹ tôi đã ghé Paris liên lạc với Giáo Sư Gaston Leduc (là chủ trì luận án tiến sĩ cho nhiều kinh tế gia Việt Nam học ở Pháp) để xin nộp luận án, và Ông đã nhận lời. Tuy nhiên sau mấy năm học xong ở Mỹ, tôi có trở lại Pháp, nhưng “trốn” không nộp these nữa, vì đã quá mệt và trong lòng thì rất buồn vì mẹ tôi đã mất trước khi tôi về. Mặt khác tôi muốn về ngay Việt Nam khi còn đang chiến tranh để có thể tham dự một cách nào đó. Tôi đã nhập ngũ, và sau khi tốt nghiệp trường sĩ quan Thủ Đức, được trở lại Đại Học Luật Khoa và Trường Cao Đẳng Quốc Phòng. Tôi ở trong quân đội cho đến ngày di tản 1975 với cấp bậc Trung úy trừ bị biệt phái.

Những năm học ở Pennsylvania thật không uổng công: Ở đây người đi học đã tới sát biên thùỵ của kinh tế học mới. Thí dụ về Micro, sách dùng là sách Foundations của Samuelson hoặc những sách cùng trình độ. Về Econometrics, thì người dạy là Giáo Sư Lawrence Klein (Nobel 1976). Ông có hai cuốn sách giáo khoa nổi tiếng về ngành này, nhưng những bài giảng của Ông lại chỉ là những tờ nghiên cứu mới viết tay Ông đang làm vài hôm trước, và đem ra thảo luận với Sinh viên : Người học có cảm tưởng đang ở ranh giới cuối cùng của sự hiểu biết về ngành này. Lúc trở về nước tôi đã được yêu cầu dạy môn học này lần đầu tiên ở Việt Nam. (Vào

năm đó 1967, ở Pháp cũng chỉ mới dạy môn này được vài năm và sách dùng gần như dịch lại sách của Klein do Les Cours St Jacques).

Tôi vẫn thường giữ liên lạc với Giáo Sư Klein, nay tuổi đã rất lớn. Tôi cũng chịu ơn Giáo Sư Klein rất nhiều, ngoài việc là học trò: Năm 1975 khi đi tản qua Mỹ, tôi đến thăm Ông, Ông nói “tôi chờ anh đã lâu, sau khi nghe Sài Gòn sụp đổ” và ngay buổi chiều, một ông Khoa Trưởng ở một Đại Học nhỏ đến mời tôi làm giáo sư qua sự giới thiệu của Giáo sư Klein. (Tôi đã không nhận lời, vì sau đó tôi đi làm cho World Bank để có dịp đi đây đó cho khuây khoả nỗi buồn xa xứ). Khi ở World Bank tôi vẫn còn nhận được lời mời của nhiều Đại Học khác ở vùng Pennsylvania, tất cả đều do Giáo sư Klein giới thiệu.

Số tôi thật may đã gặp được các ân sư, từ Việt Nam ra đến nước ngoài. Mặt khác, nhìn lại những chặng đường đi học tôi vẫn thấy quá dài và đã bỏ đi nhiều việc quan trọng hơn, như giúp đỡ cha mẹ nhiều hơn ..

### **Kinh tế học: học và hành**

Tôi không rõ các đồng nghiệp khác nghĩ thế nào, nhưng tôi vẫn nghĩ cũng như những nghề khác, đa số những việc mà một chuyên viên kinh tế phải làm để mưu sinh là những việc nhàm chán: đó là việc phân tích các dữ kiện để đưa đến một kết luận về chính sách.

Sự nhàm chán đó có thể chấp nhận và được đền bù, nếu làm việc trong nước mình, để có cảm giác công việc có ý nghĩa, ngoài việc kiếm tiền. Tôi đã may mắn có cảm giác này khi trở về Việt nam dạy học dù tiền lương ít ỏi, hay khi làm việc chung với anh em chuyên viên trước 1975 ở Tổng Nha Ngân Sách, với các Bộ Tài Chánh, Kinh Tế (cổ vấn), với nhóm Kinh Tế Hậu chiến, hoặc sau đó trong hơn 20 năm làm việc cho Ngân Hàng Thế Giới có hơn 10 năm đi về Việt Nam nhiều lần cho chương trình công tác của World Bank nhằm chuyển đổi kinh tế Việt Nam ra khỏi hệ thống kinh tế xã hội chủ nghĩa, một hệ thống đã làm kinh tế tan nát.

Chính vậy tôi vẫn thường khuyến cáo các sinh viên, trong những điều kiện bình thường, khi du học xong nên trở về nước làm việc. Ở một nước nhỏ thì sự đóng góp của một chuyên viên, dù làm việc gì, cũng có thể góp phần thay đổi trong quá trình phát triển. Trái lại nếu làm việc ở Mỹ hay Âu Châu, thì sự đóng góp của mình không nhìn thấy kết quả hay ảnh hưởng bao nhiêu, vì ở những nước này số chuyên viên rất đông, và mình chỉ là một phần tử rất nhỏ. Tôi không bao giờ quên cảm giác ngây ngất khi dạy ở Đại Học Cần Thơ trong một lớp học giữa cánh đồng lúa xanh bao la ở một vùng quê Hậu Giang ! Cái cảm giác đem kiến thức mới như econometrics từ nơi xa để “chuyển giao công nghệ” cho những người